

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Thời gian tổ chức Đại Hội: Bắt đầu lúc 8h30 ngày 27/04/2020

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (địa chỉ: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình).

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
I		<u>KHAI MẠC ĐẠI HỘI</u>
1		Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông.
2		Báo cáo thăm tra tư cách Cổ đông và công bố số lượng cổ đông tham dự.
3		- Chào cờ. - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và khai mạc Đại hội; - Thông qua danh sách đề cử Đoàn chủ tịch, Ban thư ký. - Bầu ban kiểm phiếu của Đại hội
II		<u>NỘI DUNG ĐẠI HỘI</u>
1		Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội.
2		Báo cáo của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
3		Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021
4	8h30 - 12h00	- Báo cáo về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị đối với các việc triển khai Dự án giai đoạn II
5		Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
6		Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
7		Tờ trình chi trả thù lao HĐQT năm 2020 và phương án thù lao Hội đồng quản trị Công ty, Ủy ban kiểm toán năm 2021
8		Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021
		Tờ trình về việc thay đổi mô hình quản trị Công ty
9		Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ về quản trị của công ty
10		Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát công ty Thông qua danh sách nhân sự và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026.
11		<i>Thảo luận và biểu quyết các nội dung trình Đại hội thông qua</i>
12		Giới thiệu Ban Kiểm phiếu; Thông qua Quy chế Bầu cử. Phát phiếu bầu cử và kiểm phiếu. Báo cáo kết quả kiểm phiếu. Thông qua biên bản kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội
13		Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
III		<u>BẾ MẠC ĐẠI HỘI</u>

Hoà Bình, ngày tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

Mục tiêu của Quy chế:

- ✚ Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- ✚ Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông; Đại hội đưa ra những quyết định đúng đắn đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.
- ✚ Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
2. Không nói chuyện riêng, tắt hoặc đặt chế độ rung điện thoại di động trong suốt thời gian diễn ra Đại hội.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện Cổ đông vì lý do bất khả kháng phải dời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi tên cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà. Các nội dung biểu quyết theo chương trình nghị sự của Đại hội được ghi tại mặt sau của Thẻ biểu quyết

2. Cách biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (đồng ý; không đồng ý hoặc có ý kiến khác) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.



+ Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được Đại Hội đồng đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao.

+ Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý hoặc ý kiến khác sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

- Theo từng lần biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông.

- Cổ đông/đại diện Cổ đông sẽ biểu quyết trực tiếp vào từng nội dung biểu quyết ghi tại mặt sau của Thẻ biểu quyết. Sau khi hoàn thành việc biểu quyết tất cả các nội dung, Cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành nộp Thẻ biểu quyết có các nội dung mà Cổ đông đã biểu quyết cho thành viên ban kiểm phiếu biểu quyết.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

-  Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu tương ứng với một đơn vị biểu quyết.
-  Các Quyết định/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp được quy định theo Luật doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ của Công ty.

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI.

1. Nguyên tắc:

Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giao cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và chỉ được phát biểu khi được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông giao Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thỏa thuận.

IV. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ tọa có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối, làm mất trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối, làm mất trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
6. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN BẦU CỬ/ KIỂM PHIẾU

1. Phổ biến các nguyên tắc bầu cử, kiểm phiếu;
2. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và công bố trước trước Đại hội kết quả kiểm phiếu biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho ban thư ký để biểu quyết.
4. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

VII. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tọa Đại hội

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2020 & KẾ HOẠCH SXKD NĂM
2021 CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC
SẠCH SÔNG ĐÀ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà có hai mảng hoạt động chính là: Vận hành sản xuất, kinh doanh bán buôn nước sạch Nhà máy Nước sạch Sông Đà với công suất 300.000m³/ngđ và triển khai đầu tư Giai đoạn 2 Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” nâng công suất lên 600.000m³/ngđ.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn.

1.1. Thuận lợi:

- Vùng dịch vụ cấp nước của Công ty Viwasupco chủ yếu là khu vực phía Tây Nam Thành phố và dọc đường Đại lộ Thăng Long là khu vực đang có tốc độ đô thị hóa cao, nhu cầu dùng nước của người dân lớn và tăng trưởng nhanh;
- Các khách hàng mua buôn nước sạch của Viwasupco đều là những đơn vị lớn, có vùng dịch vụ cấp nước rộng, đã có thời gian hợp tác lâu dài và ổn định với Công ty.

1.2. Khó khăn:

- Công ty chịu tác động trực tiếp và gián tiếp do ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19 nên một số hạng mục nâng cấp, đầu tư mới của đơn vị bị chậm tiến độ. Sản lượng nước sạch tiêu thụ trong Quý I, Quý II năm 2020 giảm nhiều do nhu cầu sử dụng của một số khách hàng giảm mạnh như: dịch vụ ăn uống, khách sạn đóng cửa, nhà xưởng bị dừng sản xuất, học sinh, sinh viên nghỉ học;
- Tuyến ống truyền tải nước sạch vẫn xảy ra sự cố dẫn đến sản lượng bán ra chưa đạt như kỳ vọng, ảnh hưởng đến Kế hoạch cấp nước an toàn liên tục phục vụ nhân dân Thành phố Hà Nội; bên cạnh đó là việc các doanh nghiệp nâng công suất nhà máy, đầu tư xây dựng các nhà máy mới với công suất lớn được triển khai đầu tư và đưa vào vận hành trong những năm vừa qua tạo áp lực lớn trong việc cạnh tranh địa bàn cấp nước trên địa bàn thành phố, đặc biệt là một số khu vực cuối nguồn sử dụng nước sạch Sông Đà thuộc Quận Hoàng Mai, Thanh Xuân có áp lực, lưu lượng thấp, có thời gian hồi áp sau mỗi lần sự cố vỡ đường ống trên 24 giờ;
- Trong năm 2020, tình hình biến đổi khí hậu dẫn đến dòng chảy trên lưu vực Sông Đà và mực nước Hồ thủy điện Hòa Bình xuống thấp, có một số thời điểm cực đoan làm cho mực nước đầu kênh lấy nước không đạt cao độ thiết kế để cấp đủ



lượng nước cho Nhà máy sản xuất đạt theo công suất thiết kế của Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn I;

- Năng lực tiếp nhận tại các điểm đầu nối của các khách hàng mua buôn nước sạch với tuyến ống truyền tải chính của Công ty đoạn từ Nhà máy đến đường Vành Đai 3 đã tiệm cận khả năng truyền tải của hệ thống trong khi việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp 2 của Công ty trong thời gian gặp nhiều khó khăn do không được sự ủng hộ của chính quyền địa phương trong việc triển khai xúc tiến các thủ tục pháp lý đầu tư của Dự án.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2020:

Với những thuận lợi, khó khăn như đã nêu trên, bằng sự đoàn kết, tập trung phấn đấu cao của toàn bộ các cán bộ công nhân viên trong Công ty, năm 2020 vừa qua, Công ty Viwasupco đã thực hiện sản xuất nước an toàn, hiệu quả và bám sát kế hoạch năm 2020 đã được Đại hội Cổ đông phê duyệt.

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	Tỷ lệ % TH/KHN
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Tổng sản lượng nước	m ³	99.363.020	103.215.356	103,88%
2	Doanh thu HĐSX kinh doanh	10 ⁹	514,648	533,801	103,72%
3	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹	136,281	194,898	143,01%

(Số liệu trong bảng trên được lấy theo báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán).

2.2. Đánh giá chung kết quả đạt được:

Nhìn chung, các chỉ tiêu chính của năm 2020 đều tích cực, vượt so với kế hoạch năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- Sản lượng nước tăng 103,88% so với kế hoạch năm;
- Doanh thu kinh doanh tăng 103,72% so với kế hoạch năm;
- Lợi nhuận sau thuế tăng 143,01% so với kế hoạch năm.

3. Công tác điều hành trong năm 2020.

3.1. Công tác Tổ chức Hành chính và chăm lo đời sống cho người lao động.

- Làm tốt công tác tổ chức, sắp xếp, điều động nội bộ, giới thiệu bổ nhiệm, miễn nhiệm và công tác tuyển dụng nhân sự mới để bổ sung cho các Ban nghiệp vụ, Nhà máy, Ban QLDA còn thiếu nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc được giao. Tiếp tục thực hiện công tác tinh giản bộ máy quản lý và sản xuất trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, cụ thể:
 - + Nhà máy nước Sông Đà: Đơn vị sắp xếp lại các phòng điều hành hợp lý hơn, chức năng nhiệm vụ đầy đủ hơn và phù hợp với tình hình sản xuất;
 - + Ban Quản lý dự án: Đã sáp nhập các phòng chức năng, gọn hơn và linh hoạt hơn ;

- + Công tác định biên nhân sự: Thường xuyên rà soát từng vị trí, có những điều chỉnh hoặc tuyển dụng bổ sung kịp thời cho những vị trí thiếu trên nguyên tắc đúng người, đúng việc, hiệu quả, đúng định biên đã được HĐQT phê duyệt.
- Đảm bảo việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian và theo đúng Nghị quyết, quyết định, quy chế phân phối tiền lương của Công ty và Quỹ lương được ĐHĐCĐ phê duyệt. Giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động trong Công ty;
- Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV cụ thể như: Tổ chức cho CBCNV trực Tết cũng như các ngày Lễ lớn của dân tộc trong không khí đầm ấm, tiết kiệm và hiệu quả. Hỗ trợ kịp thời các chế độ cho các cán bộ công nhân viên của Nhà máy trực tiếp sản xuất trong thời gian cách ly tập trung trên Nhà máy để sản xuất khi cao điểm của dịch bệnh Covid 19 vừa qua.

3.2. Công tác Sản xuất của Công ty.

Trong năm qua, công tác truyền tải, sản xuất, phân phối nước tại các Trạm bơm, tuyến ống đều vượt kế hoạch năm 2020 với tỷ lệ thất thoát nước sạch rất thấp (dưới 0,2%) và công tác an ninh, an toàn trong sản xuất, truyền tải nước sạch được đảm bảo, cụ thể:

STT	Nội dung công việc	Đ.vị	Năm 2020		Tỷ lệ % THN/KHN
			Kế hoạch	Thực hiện	
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Tại trạm bơm nước sông: Sản lượng nước thô bơm từ sông lên Hồ Đầm Bài	m ³	99.679.815	102.370.350	102,70%
		m ³ /ng.đ	272.349	279.700	
2	Tại trạm bơm nước hồ: Sản lượng nước thô từ Hồ Đầm Bài lên khu xử lý	m ³	101.724.804	103.885.640	102,12%
		m ³ /ng.đ	277.937	283.841	
3	Tại khu xử lý: Sản lượng nước sạch sau xử lý	m ³	100.573.272	103.335.004	102,75%
		m ³ /ng.đ	274.790	282.336	
4	Sản lượng nước sạch bán qua đồng hồ	m ³	99.363.020	103.215.356	103,88%
		m ³ /ng.đ	271.484	282.009	

Để có được kết quả sản xuất như trên cũng như đảm bảo cho công tác an ninh, an toàn trong sản xuất và truyền tải nước sạch, trong năm qua Công ty đã và đang triển khai quyết liệt, đồng bộ có hiệu quả các giải pháp chính như sau:

- Chú trọng và tăng cường công tác đảm bảo an ninh nguồn nước của Nhà máy Sông Đà sau sự cố đổ dầu thải tháng 10/2019 như: Đầu tư mới hệ thống Camera giám sát An ninh giám sát toàn bộ các khâu thiết yếu của Nhà máy; Hoàn thành

lắp đặt và đưa vào sử dụng Hệ thống quan trắc tự động nước thô đầu vào, nước thải và nước sạch sau xử lý kết nối với sở Sở Tài nguyên Môi trường Hòa Bình & sở TNMT thành phố Hà Nội theo quy định, có trích xuất dữ liệu nước sạch sau xử lý cho các khách hàng cùng theo dõi, giám sát chất lượng nước; Nâng cấp và chuẩn hóa Phòng Hoá nghiệm của Công ty theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017;

- Công ty cũng đã hoàn thiện, ban hành mới các hệ thống văn bản nội bộ, các quy trình sản xuất, quy trình ứng phó sự cố để đảm bảo công tác sản xuất nước sạch được an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo đúng chất lượng sản phẩm nước sạch theo các tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn của Bộ Y tế ban hành;
- Tăng cường công tác tuần tra, phát hiện sớm các vị trí sự cố rò rỉ trên toàn tuyến ống giai đoạn 1 bằng cốt sợi thủy tinh. Tiếp tục nâng cao năng lực cũng như duy trì hoạt động ở mức cao Đội ứng phó sự cố của Công ty, chuẩn bị sẵn sàng vật tư, phụ kiện, máy móc thiết bị thi công, nhân công kỹ thuật để tập chung khắc phục mọi sự cố của công ty trong thời gian nhanh nhất có thể, riêng với tuyến ống truyền tải không quá 24 giờ/sự cố. Trong năm đã 08 lần sửa chữa (07 lần sự cố + 01 lần chủ động thay van V6 tại bể chứa trung gian);
- Tại các thời điểm cực đoan trong năm 2020, mực nước trên Sông Đà tại vị trí đầu kênh dẫn xuống dưới mực nước thiết kế, Nhà máy đã chủ động điều chỉnh chế độ vận hành của các Trạm bơm nguồn, bố trí cán bộ túc trực 24/24 và phối hợp chặt chẽ, điều tiết cùng các cơ quan Tập đoàn điện lực Việt Nam, Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc Gia, Nhà máy thủy điện Hòa Bình và đồng thời chạy cả bơm dự phòng để có thể đáp ứng tối đa nguồn nước cho sản xuất của khu xử lý;
- Đưa hệ thống châm PAC lỏng 10% vào sử dụng cho công tác sản xuất nước tại khu xử lý của Nhà máy. Hệ thống này là hệ thống chính, hoạt động thường xuyên đã giảm chi phí hóa chất so với kế hoạch cũng như nâng hiệu quả cao trong vận hành;
- Công tác ký kết, thực hiện Hợp đồng mua sắm: Công ty đã ký kết, thực hiện Hợp đồng mua sắm phục vụ sản xuất của Nhà máy đảm bảo, tuân thủ đúng Quy chế phân cấp của Công ty cũng như pháp luật, không có hợp đồng nào kiện tụng, tranh chấp và hủy ngang và phù hợp với kế hoạch năm 2020 đã được phê duyệt.

3.3. Công tác phát triển thị trường.

3.3.1. Công tác kinh doanh và chăm sóc khách hàng:

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được một số kết quả trong năm 2020 như sau:

Stt	Nội dung	Sản lượng tiêu thụ (m ³)	Bình quân ngày đêm (m ³ /ngđ)
1	Kế hoạch năm 2020	99.363.020	271.484
2	Kết quả thực hiện năm 2020	103.215.356	282.009
3	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch %	103,88%	103,88%

- Tổng sản lượng tiêu thụ nước sạch năm 2020 đạt trên 103 triệu m³, tương đương khoảng 282.000 m³/ngày đêm, giảm 1,24 % so với sản lượng năm 2019 và bằng 103,88% so với kế hoạch 2020 được giao. Sản lượng tiêu thụ năm 2020 giảm hơn so với năm 2019 nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19

diễn biến phức tạp trong năm 2020 làm nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng tiêu thu giảm mạnh;

- Công ty đã phối hợp hiệu quả với các khách hàng: Công ty Cổ phần VIWACO, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội, Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ đô, Công ty Cổ phần Dịch vụ địa chất, Công ty Cổ phần Sản xuất & Thương mại Ngọc Hải để cung cấp nước sạch ổn định, an toàn để khách hàng sử dụng tối đa nguồn nước sạch Sông Đà cung cấp;
- Thường xuyên liên hệ nắm bắt tình hình hoạt động của khách hàng, khảo sát và đánh giá nhu cầu sử dụng nước của khách hàng cũng như đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sản lượng tiêu thụ nước sạch của khách hàng;
- Thông báo kịp thời tới khách hàng các thông tin cam kết như kế hoạch vận hành cấp nước, dừng cấp nước, chất lượng nước;
- Thông tin và phản hồi kịp thời các vấn đề của khách hàng trong quá trình cung cấp dịch vụ cấp nước cũng như phối hợp chặt chẽ xử lý khi có sự cố xảy ra.

3.3.2. Công tác nghiên cứu và phát triển thị trường:

- Trong năm 2020 Công ty đã phối hợp và hợp tác chặt chẽ với các đối tác phân phối, nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận khách hàng của Công ty nhằm duy trì đầu mối cũng như phát triển năng lực mạng lưới cấp nước, tiến sâu vào các thị trường tiềm năng còn dư địa phát triển;
- Nghiên cứu hệ thống cấp nước của các huyện ngoại thành khu vực phía Nam Thành phố Hà Nội nhằm đánh giá các cơ hội hợp tác đầu tư phát triển thị trường cấp nước của Công ty cho khu vực này;
- Công ty đã phối hợp với Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội – đơn vị được tiếp nhận lại hệ thống cấp nước của Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc để cấp nước cho Khu Công nghệ này từ tháng 10 năm 2020;
- Công ty đã phối hợp với Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô cấp nước cho tất cả các đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội tại xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội từ tháng 11 năm 2020;
- Công ty đã phối hợp với Tổng Công ty Cổ phần VINACONEX để cấp nước cho Khu Công nghệ Cao 2 thuộc Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc để cấp nước cho Khu Công nghệ Cao 2 này từ tháng 12 năm 2020;
- Nghiên cứu đề xuất đầu tư mạng lưới đường ống truyền tải cấp 2 với mục tiêu chính là chủ động xác lập vùng cấp nước bằng hệ thống đường ống đến khách hàng, đồng thời đảm bảo cấp nước an toàn cho người dân, khách hàng;
- Thực hiện nghiên cứu đầu tư và đầu tư phát triển mạng lưới Cấp II theo kế hoạch đầu tư đã được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020 Công ty thông qua, cụ thể:
 - + Trong năm 2020, Công ty phối hợp với Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, Công ty Cổ phần VIWACO để triển khai đầu tư và đưa vào sử dụng hạng mục Công trình Điểm đầu nối và đồng hồ tổng cấp nguồn cho Nhà máy nước Hạ Đình với giá trị đầu tư Hạng mục là **1,4 tỷ đồng**. Hạng mục này đến nay đã cấp nước bổ sung cho Nhà máy nước Hạ Đình của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội với lưu lượng bình quân 12.000

m³/ngày đêm từ ngày 16/1/2021 (Dự kiến đến năm 2030 là 40.000m³/ngày đêm);

- + Công ty đã cùng Tư vấn nghiên cứu và ngày 4/12/2020 đã đề xuất lại UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận Chủ trương chủ trương đầu tư Dự án phát triển mạng truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà (2 km Tuyến ống đường kính DN1000 & 8,4 km tuyến ống đường kính DN800 trên đường Vành Đai 3,5 đoạn từ trước cửa Đại học Thành Đô trên Quốc Lộ 32 đến nút giao đường Quang Trung với Lê Trọng Tấn Hà Đông) với tổng mức đầu tư ước tính khoảng **305.037.000.000 đồng**. Dự án này đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Văn bản số 418/UBND-ĐT ngày 08/2/2021.

3.4. Công tác triển khai đầu tư Dự án hệ thống cấp nước Chuối đô thị Sơn Tây- Hòa Lạc-Xuân Mai- Miếu Môn- Hà Nội- Hà Đông giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ (Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2).

3.4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đầu tư năm 2020 được phê duyệt:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục	KH 2020	Thực hiện năm 2020	
			Giá trị	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Chi phí thực hiện công việc (1+2+3+4+5+6)	957,40	104,86	11,0%
1	Chi phí lập dự án đầu tư	4,76	0,25	5,2%
2	Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống TTNS 6,4 km	136,00	94,40	69,4%
3	Tuyến ống Truyền tải nước sạch từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ	650,88	9,94	1,5%
4	Cụm công trình đầu mối và khu xử lý	155,24	-	0,0%
5	Kiểm toán công trình	0,53	0,28	53,1%
6	Dự phòng phí	10,00	-	0,0%
B	Chi phí Ban quản lý dự án	9,98	5,66	56,7%
C	Tổng vốn đầu tư năm 2020 (A+B)	967,38	110,52	11,4%

- Giá trị giải ngân đầu tư 104,86 tỷ đồng/ 957,4 tỷ đồng, đạt 11,0% kế hoạch được giao.
- Chi phí Ban QLDA 5,66 tỷ đồng/ 9,98 tỷ đồng, đạt 56,7% kế hoạch được giao.

Đánh giá chung: Công tác giải ngân của Ban QLDA trong năm 2020 không đạt kế hoạch HĐQT Công ty giao với nguyên nhân chính như sau:

- Hợp đồng tín dụng bị tạm dừng giải ngân một số hạng mục đầu tư sau thời điểm hết hạn của giấy chứng nhận đầu tư để bổ sung các tài liệu pháp lý theo yêu cầu của VCB Tây Hồ;
- Công tác giải ngân quyết toán Hợp đồng EPC-01 chưa hoàn thành do Tổng thầu EPC chưa khắc phục triệt để các tồn tại trên công trường;

- Công tác giải ngân thực hiện hợp đồng EPC-02 chưa thực hiện được do công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng gói thầu EPC-02 đến cuối tháng 01 năm 2021 mới hoàn thành.

Giải pháp khắc phục:

- Hợp đồng tín dụng với VCB Tây Hồ: Đẩy nhanh tiến độ gia hạn giấy chứng nhận đầu tư và khẩn trương hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh trình HĐQT Công ty phê duyệt;
- Công tác giải ngân quyết toán Hợp đồng EPC-01: Đơn đốc Nhà thầu khẩn trương khắc phục các tồn tại trên công trường.
- Công tác giải ngân thực hiện hợp đồng EPC-02: Quản lý hợp đồng, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng theo các điều khoản Hợp đồng và các quy định của Pháp luật.

3.4.2. Kết quả triển khai thực hiện các công tác đầu tư chính:

- Công tác điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi: Hoàn thành công tác lập thiết kế cơ sở điều chỉnh, hoàn thành công tác thẩm tra, trình Bộ Xây dựng thẩm định. Công tác cập nhật Tổng mức đầu tư, phương án tài chính đã được Đơn vị tư vấn hoàn thiện, dự kiến hoàn thành công tác thẩm tra, trình phê duyệt trong Quý II/2021;
- Hạng mục Công trình Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống truyền tải nước sạch dài 6,4km từ Trạm điều tiết Tây Mỗ về đường vành đai 3 Hà Nội (Hợp đồng EPC-01): Hoàn thành công tác bàn giao tài sản hình thành từ đầu tư xây dựng hạng mục công trình về Nhà máy nước Sông Đà quản lý và vận hành theo quy định;
- Hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) (Gói thầu EPC-02):
 - + Hoàn thành Thiết kế kỹ thuật và dự toán xây dựng công trình, được HĐQT Công ty phê duyệt;
 - + Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu: EPC-02: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và xây dựng tuyến ống, BH-10: Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng, TV-32: Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt tuyến ống.
- Cụm công trình đầu mối và khu xử lý:
 - + Hạng mục Trạm bơm dâng đầu kênh: Đang triển khai thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán, dự kiến ngay sau khi có phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ triển khai công tác thẩm định và phê duyệt;
 - + Hạng mục hàng rào bảo vệ kênh dẫn nước sông: Hoàn thành công tác thiết kế, thẩm tra, phê duyệt và lựa chọn nhà thầu xây dựng. Hiện công tác xây dựng đang được triển khai thi công.
- Cải tạo Khu xử lý giai đoạn I:
 - + Hoàn thành công tác lập phương án cải tạo và trình HĐQT Công ty phê duyệt;
 - + Hoàn thành công tác lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục Cải tạo hệ thống SCADA, Hệ thống xử lý bùn, Cải tạo trạm bơm sông, trạm bơm hồ và đã được HĐQT Công ty phê duyệt.

3.5. Công tác khắc phục sự cố đổ trộm dầu thải xuống đầu nguồn khu vực Nhà máy Nước sạch Sông năm 2019:

Trong năm 2020 Công ty đã giải quyết cơ bản dứt điểm toàn bộ các công việc có liên quan đến sự cố đổ trộm dầu thải xuống đầu nguồn khu vực Nhà máy Nước sạch Sông Đà ngày 9/10/2019, cụ thể như sau:

- + Ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần Xử lý, Tái chế Chất thải Công nghiệp Hòa Bình để xúc, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn đất, nước lẫn dầu của toàn bộ chất thải thu gom trong quá trình xử lý sự cố. Hợp đồng này đã hoàn thành trong năm 2020 với giá trị quyết toán Hợp đồng sau thuế là **710.513.956 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm mười triệu, năm trăm mười ba nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng) và chi trả **1.221.954.114 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm hai mươi một triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn, một trăm mười bốn đồng) chi phí khác có liên quan.
- + Ngày 12/02/2020, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình đã ra Bản án sơ thẩm số 240/CSHS tạm đình chỉ điều tra vụ án;
- + Ngày 24/12/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Hòa bình đã ra Bản án số 47/2020/HS-PT về việc kết thúc vụ án hình sự đối với các bị cáo có hành vi vi phạm và tách phần dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự để Công ty có quyền khởi kiện yêu cầu các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bồi thường thiệt hại trong vụ án Dân sự.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Với kết quả kinh doanh của năm 2020 đã đạt được, cùng với những thuận lợi và khó khăn chung của các đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn Thành phố, đặc biệt là tình hình dịch bệnh Covid 19 vẫn còn đang diễn biến phức tạp trong thời gian tới, trên cơ sở kế hoạch thực tế triển khai đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2, hệ thống tuyến ống truyền tải Cấp II, cùng với việc thực hiện quyết liệt các biện pháp đã triển khai có hiệu quả trong năm 2020 của Ban lãnh đạo Công ty nhằm tăng cường hơn nữa công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thất thoát, tăng lợi nhuận và doanh thu cho Công ty. Các chỉ tiêu chính của Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021 đệ trình đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh.

STT	Khoản mục	Đ.vị	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	Tỷ lệ % KH21/TH20
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Tổng sản lượng nước	m ³	103.215.356	106.273.516	103%
2	Doanh thu HĐSX kinh doanh	10 ⁹	533,801	547,303	102,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹	194,898	164,3	84,3%

Ghi chú: Trong 3 tháng đầu năm 2021, đại Dịch COVID-19 tiếp tục là nguyên nhân chính đã ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu dùng nước hàng ngày dẫn đến sản lượng nước 3 tháng đầu năm không cao, trung bình chỉ đạt 264.663 m³/ngày đêm. Ban điều hành Công ty đã tính toán ảnh hưởng này đến kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021, sản lượng nước tăng 2,96%, doanh thu thuần tăng 2,53% và lợi nhuận sau thuế giảm 17,24% so với thực hiện năm 2020, nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay tăng lên.

2. Các chỉ tiêu chính về đầu tư.

- Trên cơ sở kết quả hoạt động đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà giai đoạn 2 các năm vừa qua, Công ty tiếp tục chỉ đạo, điều hành Ban quản lý dự án Nước sạch Sông Đà triển khai nhiệm vụ đầu tư năm 2021 với các chỉ tiêu cụ thể:
 - + Hoàn thành công tác điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - + Hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công, tổ chức triển khai thi công đạt 32km trên tổng 40km tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu Xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800). Đảm bảo hoàn thành toàn bộ hạng mục trong Quý II/2022;
 - + Hoàn thành công tác thiết kế, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hạng mục Trạm bơm dâng đầu kênh;
 - + Chuẩn bị các thủ tục pháp lý, hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công hạng mục Tuyến ống nước thô qua hồ Đầm Bài;
 - + Tổ chức triển khai thiết kế, thi công các hạng mục cải tạo hệ thống xử lý giai đoạn 1 thuộc dự án giai đoạn II: Hàng rào bảo vệ kênh dẫn nước sông, cải tạo kênh dẫn nước, cải tạo Trạm bơm Sông, Trạm bơm Hồ, cải tạo hệ thống Scada, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý bùn.
- Công ty tiếp tục tìm kiếm các khách hàng/đối tác tiềm năng để đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết, M&A nhằm duy trì và phát triển thị trường thuộc vùng dịch vụ cấp nước của Công ty;
- Tập trung triển khai và hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư Dự án phát triển mạng truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà (2 km Tuyến ống đường kính DN1000 & 8,4 km tuyến ống đường kính DN800 trên đường Vành Đai 3,5 đoạn từ trước cửa Đại học Thành Đô trên Quốc Lộ 32 đến nút giao đường Quang Trung với Lê Trọng Tấn Hà Đông) đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Văn bản số 418/UBND-ĐT ngày 8/2/2021;
- Tiếp tục thuê tư vấn nghiên cứu đầu tư thêm một số tuyến ống truyền tải Cấp 2 trong Đồ án điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Bộ Xây dựng thẩm định đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để đảm bảo việc mở rộng địa bàn/phạm vi cấp nước của Công ty theo quy hoạch điều chỉnh được duyệt;
- Kế hoạch đầu tư trong năm 2021 của Công ty như sau:

STT	Dự án đầu tư/ Nội dung	Giá trị (10 ⁹ đồng)	Ghi chú
I	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn 2	1.687,99	
1	Chi phí đầu tư	1.678,08	
-	Chi phí điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi	3,92	
-	Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống TTNS 6,4 km	47,94	
-	Tuyến ống Truyền tải nước sạch đoạn từ	1193,18	

STT	Dự án đầu tư/ Nội dung	Giá trị (10 ⁹ đồng)	Ghi chú
	Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ		
-	Cụm công trình đầu mối và khu xử lý	423,04	
-	Dự phòng phí	10,00	
2	Chi phí hoạt động của Ban QLDA	9,91	
II	M&A và mua bán Cổ phần	100,00	
III	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	10,00	
	Cộng (I) + (II) + (III)	1.734,99	

Trên đây là báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà. Kính trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**



Nguyễn Xuân Quý



Số: 128/2021/BC-HĐQT

Hòa Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2021.

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Trong năm 2020, Công ty vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn thách thức, (1) tuyến ống giai đoạn I bằng Cốt sợi thủy tinh suy yếu và thường xuyên xảy ra sự cố (tám lần sửa chữa); (2) Trong năm có diễn biến phức tạp, chất lượng nước kém hơn. Mùa khô nước Sông Đà xuống thấp, không đủ để chạy bơm lên hồ, lượng nước trên hồ giảm mạnh và vẫn phải đảm bảo phục vụ tưới tiêu cho sản xuất, đặc biệt trong Quý IV máy bơm Sông liên tục chạy ở mực nước thấp; (3) Tuyến ống truyền tải giai đoạn 2 mới chưa được triển khai thi công. Việc chậm triển khai thi công tuyến ống giai đoạn 2 dẫn đến tình trạng thiếu nguồn cấp cho các khu vực trong nội/ngoại thành; (4) địa bàn cấp nước của Thành phố Hà Nội có thêm một số nhà máy nước mặt đưa vào hoạt động hoặc nâng công suất cạnh tranh trực tiếp với Công ty, các điểm đầu nối với khách hàng hiện hữu đã tiệm cận đến khả năng cung cấp. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ và Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020 đề ra. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị không ngừng phát huy năng lực, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội về công tác quản trị điều hành năm 2020 và kế hoạch công tác năm 2021 như sau.

I. Kết quả công tác quản trị điều hành năm 2020.

Với vai trò đại diện cho các Cổ đông của Công ty, trong nhiệm kỳ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để định hướng, chỉ đạo, giám sát... đưa ra những quyết định kịp thời mang tính hiệu quả; Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm và hỗ trợ Ban Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư dự án của Công ty.

Đánh giá trong từng mặt hoạt động của Công ty như sau:

1. Công tác tổ chức, lãnh đạo, giám sát chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Để thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát, chỉ đạo đối với Ban Giám đốc, các bộ phận chức năng, nghiệp vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giúp ban điều hành chủ động, kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh tế và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân được giao, đặc biệt là đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.

2. Về công tác sản xuất kinh doanh của Công ty

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và điều hành Công ty thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh;

Tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu Công ty đạt được trong nhiệm kỳ như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	Tỷ lệ % TH/KHN
a	b	c	1	2	3=2/1
1	Tổng sản lượng nước	m ³	99.363.020	103.215.356	103,88%
2	Doanh thu HĐSX kinh doanh	10 ⁹	514,648	533,801	103,72%
3	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹	136,281	194,898	143,01%

Nhìn chung, các chỉ tiêu chính của năm đều tích cực, vượt so với kế hoạch năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- Sản lượng nước tăng, vượt 103,88% so với kế hoạch năm;
- Doanh thu kinh doanh tăng, vượt 103,72% so với kế hoạch năm;
- Lợi nhuận sau thuế tăng 143,01%;

3. Công tác giám sát tài chính

Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty, đảm bảo tốt công tác cân đối dòng tiền để đảm bảo chi phí mua vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2 và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

4. Công tác đầu tư:

4.1. Dự án đầu tư tuyến ống Giai đoạn II:

- Công tác điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi: Hoàn thành công tác lập thiết kế cơ sở điều chỉnh, hoàn thành công tác thẩm tra, trình Bộ Xây dựng thẩm định. Công tác cập nhật Tổng mức đầu tư, phương án tài chính đã được Đơn vị tư vấn hoàn thiện, dự kiến hoàn thành công tác thẩm tra, trình phê duyệt trong Quý II/2021.
- Hạng mục Công trình Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống truyền tải nước sạch dài 6,4km từ Trạm điều tiết Tây Mỗ về đường vành đai 3 Hà Nội (Hợp đồng EPC-01): Hoàn thành công tác bàn giao tài sản hình thành từ đầu tư xây dựng hạng mục công trình về Nhà máy nước Sông Đà quản lý và vận hành theo quy định.
- Hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) (Gói thầu EPC-02):
 - + Hoàn thành Thiết kế kỹ thuật và dự toán xây dựng công trình, được HĐQT Công ty phê duyệt.

- + Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu: EPC-02: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và xây dựng tuyến ống, BH-10: Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng, TV-32: Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt tuyến ống.
- Cụm công trình đầu mối và khu xử lý:
 - + Hạng mục Trạm bơm dâng đầu kênh: Đang triển khai thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán, dự kiến ngay sau khi có phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ triển khai công tác thẩm định và phê duyệt.
 - + Hạng mục hàng rào bảo vệ kênh dẫn nước sông: Hoàn thành công tác thiết kế, thẩm tra, phê duyệt và lựa chọn nhà thầu xây dựng. Hiện công tác xây dựng đang được triển khai thi công.
- Cải tạo Khu xử lý giai đoạn I:
 - + HĐQT đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục Cải tạo hệ thống SCADA, Hệ thống xử lý bùn, Cải tạo trạm bơm sông, trạm bơm hồ và đã được HĐQT Công ty phê duyệt.
- Giá trị giải ngân đầu tư 104,86 tỷ đồng/ 957,4 tỷ đồng, đạt 11,0% kế hoạch được giao; Chi phí Ban QLDA 5,66 tỷ đồng/ 9,98 tỷ đồng, đạt 56,7% kế hoạch được giao.

4.2. Công tác đầu tư Tuyến ống cấp 2;

Trong năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghiên cứu đầu tư và đầu tư phát triển mạng lưới Cấp II theo kế hoạch đầu tư như chủ trương đã được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020 Công ty thông qua, cụ thể:

- + Trong năm 2020, Công ty phối hợp với Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, Công ty Cổ phần VIWACO để triển khai đầu tư và đưa vào sử dụng hạng mục Công trình Điểm đầu nối và đồng hồ tổng cấp nguồn cho Nhà máy nước Hạ Đình với giá trị đầu tư Hạng mục là **1,4 tỷ đồng**. Hạng mục này đến nay đã cấp nước bổ sung cho Nhà máy nước Hạ Đình của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội với lưu lượng bình quân 12.000 m³/ngày đêm từ ngày 16/1/2021 (Dự kiến đến năm 2030 là 40.000m³/ngày đêm);
- + Công ty đã cùng Tư vấn nghiên cứu và ngày 4/12/2020 đã đề xuất lại UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận Chủ trương chủ trương đầu tư Dự án phát triển mạng truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà (10,4 km Tuyến ống đường kính DN1000, DN800 trên đường vành đai 3,5 đoạn từ trước cửa Đại học Thành Đô trên Quốc Lộ 32 đến nút giao đường Quang Trung với Lê Trọng Tấn Hà Đông) với tổng mức đầu tư ước tính khoảng **305.037.000.000 đồng**. Dự án này đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Văn bản số 418/UBND-ĐT ngày 8/2/2021.

5. Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đại chúng và quan hệ với Cổ đông.

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng như: Báo cáo tài chính, báo cáo về chốt danh sách cổ đông, thay đổi nhân sự chủ chốt ... cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của các quý Cổ đông.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành Công ty trong nhiệm kỳ

- Ban Giám đốc Công ty luôn sâu sát trong hoạt động SXKD; Chấp hành tốt các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, đặc biệt là:
 - + Tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm.
 - + Trong điều kiện thị trường sản xuất và kinh doanh nước sạch ngày càng bị cạnh tranh do xuất hiện các nhà đầu tư mới, đường ống truyền tải nước sạch giai đoạn 1 đang xuống cấp nghiêm trọng và thường xuyên xảy ra sự cố, mực nước trên Sông Đà xuống thấp..., Ban điều hành đã chủ động, tích cực trong việc khắc phục sự cố tuyến ống, phối hợp với Nhà máy thủy điện Sông Đà/ Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc Gia (A₀), nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như sản lượng nước sản xuất hàng năm, đảm bảo an toàn cấp nước cho người dân Thành phố Hà Nội, củng cố và mở rộng địa bàn cấp nước của Công ty.
- Ban điều hành Công ty thường xuyên đưa ra những đề xuất kịp thời với HĐQT, đồng thời kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí quản lý đầu tư; đồng thời làm tốt mối quan hệ hợp tác với Cổ đông; Công bố thông tin định kỳ theo đúng quy định pháp luật.

* **Kết luận:** Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty, kịp thời thông tin, báo cáo và điều chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh/đầu tư phù hợp với thực tế và yêu cầu của HĐQT Công ty.

III. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị:

Năm 2020 có sự thay đổi Nhân sự trong Ban kiểm toán nội bộ, ông Phạm Tuấn Anh được Hội đồng quản trị bổ nhiệm chức vụ trưởng Ban kiểm toán nội bộ từ ngày 5/11/2020 thay ông Bùi Đăng Khoa do có đơn từ nhiệm.

Về hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ: Hoạt động của Ban tuân thủ theo Quy chế hoạt động đã được ban hành, các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan đồng thời vận dụng thông lệ quốc tế trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế hoạt động của Công ty. Một số hoạt động trọng tâm của Ban kiểm toán nội bộ trong năm 2020 như sau:

1. Giám sát Báo cáo Tài chính:

Ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm tra, thẩm định Báo cáo Tài chính Quý, Bán niên, Báo cáo Tài chính năm trước khi Ban điều hành trình HĐQT, Đại hội đồng cổ đông, đồng thời nhất trí với những đánh giá của đơn vị kiểm toán độc lập, theo đó:

- Báo cáo Tài chính quý, bán niên và năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Không có điều chỉnh trọng yếu hay vấn đề đáng kể nào được ghi nhận đối với chính sách kế toán, biến động số liệu tài chính.
- Không phát hiện sai sót trọng yếu liên quan đến các ước tính kế toán, không có trường hợp gian lận thực tế hay nghi ngờ gian lận nào được ghi nhận trong việc lập báo cáo tài chính.

- Ý kiến của kiểm toán viên độc lập về Báo cáo tài chính năm 2020 (bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Báo cáo đã phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2020; phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

2. Đánh giá công tác quản lý, điều hành:

Ban kiểm toán nội bộ cũng đã kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý điều hành tại Công ty, theo đó:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ, ngoài ra tổ chức các phiên họp bất thường để thống nhất chiến lược, định hướng phát triển và chỉ đạo công tác quản trị kịp thời, phù hợp với thực tế. Các phiên họp HĐQT có số lượng các thành viên tham gia đảm bảo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp đều được ghi lại thành biên bản và lưu trữ đầy đủ tại Công ty.

- Những vấn đề HĐQT thông qua trong các cuộc họp đều được ban hành bằng các nghị quyết/quyết định. Nghị quyết, quyết định của HĐQT chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

+ Triển khai các nội dung liên quan đến dự án cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000m³/ngày

+ Công tác tổ chức cán bộ và công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT

+ Sửa đổi, ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

+ HĐQT thường xuyên chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành hợp lệ, đúng với thẩm quyền và thực hiện đúng chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng niêm yết.

Qua kết quả làm việc của Ban kiểm toán nội bộ cho thấy Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập

Ban kiểm toán nội bộ đánh giá đề xuất kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch kiểm toán 2020 của công ty kiểm toán độc lập là phù hợp với yêu cầu của Công ty về phạm vi, đối tượng, thời gian cũng như các yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập.

Đối với việc thực hiện kiểm toán năm 2020, công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam đáp ứng kỳ vọng của Ban kiểm toán nội bộ, trong đó có thể kể đến:

- Đảm bảo độ tin cậy và trung thực của Báo cáo Tài chính đã kiểm toán,

- Tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định,

- Phối hợp tốt với các đơn vị của Tổng công ty,

- Tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.

IV. Một số nhiệm vụ điều hành trọng tâm của Hội đồng quản trị năm 2021

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay của Công ty, với ý thức, trách nhiệm trước Cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất tập trung chỉ đạo và xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 như sau:

1. Về công tác sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường công tác quản trị, đề ra các chiến lược và giải pháp chỉ đạo, giám sát, điều hành hoạt động SXKD của Công ty, phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với một số chỉ tiêu chính sau:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)
1	Tổng sản lượng nước	m ³	103.215.356	106.273.516
2	Doanh thu HĐSX kinh doanh	10 ⁹	533,801	547,303
3	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹	194,898	164,3

2. Về công tác đầu tư.

- Trên cơ sở kết quả hoạt động đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà giai đoạn 2 các năm vừa qua, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục chỉ đạo Công ty, Ban quản lý dự án Nước sạch Sông Đà triển khai nhiệm vụ đầu tư năm 2021 với các chỉ tiêu cụ thể:
 - + Hoàn thành công tác điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - + Hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công, tổ chức triển khai thi công đạt 32km trên tổng 40km tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800). Đảm bảo hoàn thành toàn bộ hạng mục trong Quý II/2022;
 - + Hoàn thành công tác thiết kế, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hạng mục Trạm bơm dâng đầu kênh;
 - + Chuẩn bị các thủ tục pháp lý, hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công hạng mục Tuyến ống nước thô qua hồ Đàm Bài;
 - + Tổ chức triển khai thiết kế, thi công các hạng mục cải tạo hệ thống xử lý giai đoạn 1 thuộc dự án giai đoạn II: Hàng rào bảo vệ kênh dẫn nước sông, cải tạo kênh dẫn nước, cải tạo trạm bơm sông, trạm bơm hồ, cải tạo hệ thống Scada, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý bùn.
- Công ty tiếp tục tìm kiếm các khách hàng/đối tác tiềm năng để đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết, M&A nhằm duy trì và phát triển thị trường thuộc vùng dịch vụ cấp nước của Công ty;
- Tập trung triển khai và hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư Dự án phát triển mạng truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà (10,4 km Tuyến ống đường kính DN1000, DN800 trên đường Vành Đai 3,5 đoạn từ trước cửa Đại học Thành Đô trên Quốc Lộ 32 đến nút giao đường Quang Trung với Lê Trọng Tấn Hà Đông) đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Văn bản số 418/UBND-ĐT ngày 8/2/2021;

- Tiếp tục thuê tư vấn nghiên cứu đầu tư thêm một số tuyến ống truyền tải Cấp 2 trong Đồ án điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Bộ Xây dựng thẩm định đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để đảm bảo việc mở rộng địa bàn/phạm vi cấp nước của Công ty theo quy hoạch điều chỉnh được duyệt;

*** Các chỉ tiêu đầu tư năm 2021 của Công ty:**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Dự án đầu tư/ Nội dung	Giá trị (10 ⁹ đồng)	Ghi chú
I	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn 2	1.687,99	
1	Chi phí đầu tư	1.678,08	
-	Chi phí điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi	3,92	
-	Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống TTNS 6,4 km	47,94	
-	Tuyến ống Truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ	1193,18	
-	Cụm công trình đầu mối và khu xử lý	423,04	
-	Dự phòng phí	10,00	
2	Chi phí hoạt động của Ban QLDA	9,91	
II	M&A và mua bán Cổ phần	100,00	
III	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	5,00	
	Cộng (I) + (II) + (III)	1.729,99	

Hội đồng quản trị xin trân trọng báo cáo Đại hội về công tác hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch công tác năm 2021, Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng báo cáo!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Bùi Lê Khoa

Số: 129 /2021/BC-HĐQT

Hoà Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO

“V/v: Thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông cho Hội đồng quản trị đối với việc triển khai Dự án Giai đoạn II”.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/02/2018, được bổ sung và sửa đổi ngày 29/4/2020;

Thực hiện Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/02/2018 và Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà về việc ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Đại hội đồng Cổ đông được Pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai đầu tư, thực hiện Dự án giai đoạn II điều chỉnh cũng như ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện một số các nội dung khác liên quan đến Dự án giai đoạn II.

1. Hội đồng quản trị đã thực hiện một số công việc và ban hành các Nghị quyết và Quyết định có liên quan tới các nội dung được ủy quyền như sau:

- Nghị Quyết số 11/2020/NQ -HĐQT ngày 11/5/2020 của HĐQT Công ty về việc: phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết lưu lượng Tây Mỗ (km7+800) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ;
- Quyết định số 08/2020/QĐ-HĐQT ngày 11/5/2020 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết lưu lượng Tây Mỗ (km7+800) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ;
- Quyết định số 19/2020/QĐ-HĐQT ngày 08/9/2020 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch triển khai Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ;
- Quyết định số 20/2020/QĐ-HĐQT ngày 08/9/2020 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Hạng mục công trình Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống truyền tải nước sạch dài 6,4km từ Trạm điều tiết Tây Mỗ về đường Vành đai 3 thuộc Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ;
- Quyết định số 18/2020/NQ-HĐQT ngày 30/7/2020 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt dự thảo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung cho hợp đồng tín dụng số



01/2018/HĐTD/VIWASUPCO-VCB ký ngày 15/11/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ lần 3;

- Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 26/01/2021 của HĐQT Công ty về việc thông qua kết quả thực hiện công tác đầu tư năm 2020 và kế hoạch hoạt động đầu tư năm 2021 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà – Ban QLDA Nước sạch Sông Đà;
- Quyết định số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 21/01/2021 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu EPC -02 “Thiết kế BVTC, mua sắm vật tư và thi công xây dựng Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (km7+800)” thuộc Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ;
- Công ty đã cập nhật/bổ sung tuyến ống kín qua hồ vào thiết kế cơ sở của Dự án giai đoạn II theo chủ trương của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 01/2020/ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021;
- Quyết định số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 21/01/2021 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt Dự thảo Hợp đồng gói thầu EPC – 02 “Thiết kế BVTC, mua sắm vật tư và thi công xây dựng Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (km7+800)” thuộc Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ;

2. Các nội dung công việc đang tiếp tục triển khai thực hiện theo ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2020;

- “*Phê duyệt Dự án Giai đoạn II điều chỉnh*”. Hiện Công ty đang trình Bộ xây dựng, thẩm định thiết kế cơ sở. Sau khi có kết quả thẩm định của Bộ xây dựng, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiến hành phê duyệt dự án giai đoạn II điều chỉnh theo nội dung Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2020.

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông được biết về các công việc đã triển khai thực hiện trong thời gian vừa qua, đồng thời kiến nghị ĐHĐCĐ tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông được pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai đầu tư, thực hiện Dự án giai đoạn II. Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Bùi Lê Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Số: 130 /2021/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoà Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Thông qua báo cáo tài chính 2020 của Công ty
đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/2/2018 và được sửa đổi, bổ sung ngày 29/4/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ngày 29/04/2020;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà .

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (có bản đính kèm)

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH



Bùi Lê Khoa

Số: 131 /2021/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty”.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/2/2018 và được sửa đổi, bổ sung ngày 29/4/2020;

Căn cứ yêu cầu thực tế công tác tài chính kế toán và kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị các công ty kiểm toán sau đây có đủ năng lực và điều kiện để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà như sau:

1. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
4. Công ty TNHH PWC Việt Nam

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Bùi Lê Khoa

Số: 132 /2021/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2021”.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/2/2018 và được sửa đổi, bổ sung ngày 29/4/2020;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2021 về tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, thù lao ban kiểm soát năm 2021 như sau:

1. **Năm 2020:** Công ty đã thực hiện chi trả thù lao HĐQT là: 2.106.838.710 đồng,

Trong đó:

Chủ tịch Hội đồng quản trị là: 761.000.000 đ/năm

Thành viên HĐQT (04 người): 1.345.838.710 đ/người/năm

2. **Năm 2021:** Kế hoạch trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát: 2.440.000.000 đồng,

Trong đó:

Thù lao Hội đồng quản trị: 2.040.000.000 đồng

Chủ tịch Hội đồng quản trị là: 50.000.000 đ/tháng.

Thành viên HĐQT (04 người): 30.000.000 đ/người/tháng.

Thù lao ban kiểm soát: 400.000.000 đồng (Từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021)

Trưởng ban kiểm soát: 30.000.000 đ/tháng

Thành viên BKS (02 người): 10.000.000 đ/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH



Bùi Lê Khoa

Số: 133/2021/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020
và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ngày 29/04/2020;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế		205.525.601.649
2	Thuế TNDN		10.627.753.065
3	Lợi nhuận sau thuế (3) = (1) – (2)		194.897.848.584
4	Lợi nhuận chưa phân phối của năm trước		219.884.392.437
5	Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2020 là: (5) = (3) + (4)		414.782.241.021
6	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (6) = (3)*1%	1%	1.948.978.485
7	Cổ tức năm 2020		0
8	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau (8) = (5) - (6) - (7)		412.779.262.536
7	Kế hoạch trả cổ tức năm 2021	15%	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH



Bùi Lê Khoa

Số: 134 /2021/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Thay đổi cơ cấu quản trị Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan;

Căn cứ nhu cầu về tình hình thực tế.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 cho phép Công ty cổ phần có thể lựa chọn mô hình hoạt động có Ban Kiểm soát hay không có Ban Kiểm soát trong cơ cấu tổ chức và quản trị công ty. Quy định này phù hợp với thông lệ, thực tế đa dạng của doanh nghiệp về quy mô sở hữu, cách thức quản trị công ty.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua việc: **Thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 như sau:**

- Cơ cấu tổ chức quản trị hiện tại: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức quản trị mới: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Theo cơ cấu mới này, Công ty sẽ bỏ Ban Kiểm toán nội bộ (Ủy ban kiểm toán theo luật doanh nghiệp 2020) và thay vào đó sẽ bầu Ban Kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng Cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Lê Khoa

Số: 135/2021/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Sửa đổi Điều lệ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc Hội Khóa 14 Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành của một số điều của Luật chứng khoán; Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được ĐHCĐ Công ty phê duyệt ngày 01/02/2018 và sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 29/04/2020;

Căn cứ Quy chế hoạt động của hội đồng quản trị Công ty được ban hành ngày 29/04/2011;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 19/4/2019;

Ngày 01/01/2021, Luật doanh nghiệp số 59/2014/QH14 có hiệu lực thi hành, đồng thời Công ty cũng thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị.

Để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật liên quan cũng như mô hình quản trị mới của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Dự thảo sửa đổi Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà như đính kèm.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Bùi Lê Khoa

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
(Đính kèm Tờ trình số 135 /2021/TTr-HĐQT ngày 06/4/2021)

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Hòa Bình, ngày/...../2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người Đại diện theo Pháp luật của Công ty.....	5
1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần :	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	14
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện đề Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Người phụ trách quản trị Công ty.	30
Điều 30. Thư ký Công ty	31
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 32. Người điều hành Công ty.....	31
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	32
IX. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	33
Điều 35. Thành phần Ban kiểm soát.....	33
Điều 36. Quyền và Nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34

Điều 37. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.	34
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng	35
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 41. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	37
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	37
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn	37
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 43. Phân phối lợi nhuận	38
Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	39
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	39
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 46. Các Quỹ	39
Điều 47. Năm tài khóa	39
Điều 48. Chế độ kế toán	39
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	39
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	39
Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	40
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 51. Kiểm toán	40
XVII. CON DẤU	41
Điều 52. Con dấu	41
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	41
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	41
Điều 54. Thanh lý	41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	42
Điều 57. Ngày hiệu lực	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà thông qua ngày 01/02/2018, được Đại hội đồng cổ đông Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 4 ngày/...../2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. **“Ban Giám đốc”**: Có nghĩa là gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng.
 - b. **“Người điều hành doanh nghiệp”** có nghĩa là các chức danh quản lý được Hội đồng quản trị bổ nhiệm vào từng thời điểm.
 - c. **“Công ty mẹ”, “Công ty con”** là các công ty theo mô hình quy định tại Điều 189 Luật Doanh nghiệp.
 - d. **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty
 - e. **“Chủ Tịch”** có nghĩa là Chủ tịch HĐQT.
 - f. **“Địa bàn kinh doanh”** có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - g. **Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp”** có nghĩa là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty vào từng thời điểm.
 - h. **“HĐQT”** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
 - i. **“Ngày Làm Việc”** có nghĩa là ngày làm việc theo qui định của pháp luật lao động Việt Nam.
 - j. **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - k. **“Người Có Liên Quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.
 - l. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020
 - m. **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2020
 - n. **“Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm”** có nghĩa là kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, trong đó đề ra các mục tiêu hoạt động và chiến lược tài chính cho Năm Tài Chính tiếp theo của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở các chi tiết đầy đủ về (i) tất cả các giả định doanh thu và chi phí, (ii) các khoản nêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, (iii) mỗi hạng mục quan trọng trong bảng tổng kết tài sản (là những khoản chiếm hơn 5% tổng tài sản của Công Ty), (iv) lưu lượng tiền mặt đầy đủ, (v) chi phí vốn, (vi) doanh thu, (vii) các hạng mục khác ngoài bảng tổng kết tài sản, (viii) nhu cầu thị trường (bao gồm cả nhu cầu nước sinh hoạt, nhu cầu nước phi sinh hoạt, và phạm vi dịch vụ), (ix) sản lượng (bao gồm cả công suất nhà máy xử lý nước và lập kế hoạch sản lượng) và (x) nước thất thoát.

- o. "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.
- p. "**Thành Viên HĐQT**" có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị và phụ thuộc vào ngữ cảnh thành viên đó hoặc người thay thế hoặc người đại diện của thành viên đó phù hợp với Điều lệ.
- q. "Thành viên Ban kiểm soát": có nghĩa là thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.
- r. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Điều lệ Công ty.
- s. "**Vốn Điều Lệ**" là vốn điều lệ của Công ty như được ĐHCĐ phê chuẩn vào từng thời điểm và được đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp.
- t. "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
 - Tên tiếng Anh: SONG DA WATER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt: VIWASUPCO hoặc SDW
2. Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
 - Điện thoại: 0218.3840.146
 - Fax: 0218.3840.148
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Thời hạn Hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người Đại diện theo Pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
7. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 6 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
 - Bán buôn, bán lẻ: Nước sạch; máy móc, thiết bị, vật tư ngành nước;
 - Khai thác, xử lý và cung cấp nước (sản xuất nước sạch);

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác);
 - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai);
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất nguồn nước);
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác (theo giấy phép đăng ký kinh doanh) nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tăng lợi tức cho các Cổ đông; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan) và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
3. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm, sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và thực hiện thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 750.000.000.000 VND (bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 75.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Toàn bộ các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp với quy định của pháp luật để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách

thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể chào bán, phát hành các loại cổ phần khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong trường hợp Cổ đông chưa lưu ký cổ phần.
2. Cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp. Mỗi cổ phiếu chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký chứng khoán mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mớiCổ đông thanh toán các chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành có dấu Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và quy định của của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần :

Không áp dụng

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- (a) Đại hội đồng cổ đông;
- (b) Hội đồng quản trị;
- (c) Ban kiểm soát ;
- (d) Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - (a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - (b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - (d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - (e) Xem xét, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến chính cổ đông trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - (g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - (h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

- (i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - (j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - (k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - (l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- (a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp
 - (b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát (nếu có), hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - (c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - (d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - (e) Các quyền khác được quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Khoản 5 Điều 115 và Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công

- ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
 8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công ty quyết định gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm, hình thức họp phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - (b) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - (c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - (d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- (a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: (i) trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3(b) Điều 14 của Điều lệ này; (ii) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 14 của Điều lệ này.
 - (b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4(a) Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định như trên thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3c Điều 14 có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết.
 - (c) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
 - f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - i) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - j) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - k) Quyết định tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;
 - l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - n) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận hoặc quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - o) Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
 - p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 4. Các vấn đề sau phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức họp trực tiếp: Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 13 Điều lệ này
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty hoặc mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại

diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên, hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 14.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - (a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - (c) Chuẩn bị chương trình họp, nội dung đại hội và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - (d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - (e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - (f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc

chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 12.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 0 của Điều này chỉ trong các trường hợp sau (chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do):
- (a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - (b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - (c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp lần thứ nhất được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 65% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Nếu số lượng cổ đông dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ vào thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định

tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp lần thứ hai trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các cổ đông của Công ty chậm nhất là 7 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Nếu thông báo về cuộc họp lần thứ hai đã được Công ty đưa ra một cách hợp lệ cho các cổ đông và cuộc họp lần thứ nhất trước đó đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng không bảo đảm đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu, trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, vì bất kỳ lý do nào khác vào thời điểm đã được xác định để tổ chức cuộc họp đó thì cuộc họp sẽ được hoãn một lần nữa cho một cuộc họp lần thứ ba. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp lần thứ ba trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp lần thứ ba đó và gửi thông báo đó cho tất cả các cổ đông của Công ty chậm nhất là 7 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp lần thứ ba đó. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một hoặc nhiều thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ tiếp theo, số thẻ không có ý kiến được thu/giơ thẻ sau cùng. Cuối cùng đếm tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ; số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Trưởng Ban Kiểm Phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp,
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết,
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - (a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - (c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
 - (d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - (a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - (b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức hội nghị họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. (Trong trường hợp này Hội đồng quản trị công ty có trách nhiệm lấy ý kiến cổ đông để thông qua Quy chế tổ chức đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử; Quy chế này được gửi cùng tài liệu họp đại hội cổ đông).

Điều 21. Điều kiện để Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại (kể cả việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ);
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;
 - e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Tổ chức lại (bao gồm cả việc sáp nhập hoặc hợp nhất), giải thể Công ty;
 - g. Phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3, khoản 4 Điều 21;
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ

Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (ngoại trừ các vấn đề quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 15 của Điều lệ này). Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích lấy ý kiến;
 - (c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- (f) Thời hạn phải gửi về công ty hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó (nếu có);
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng
 - (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận, ngoại trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Điều lệ này phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông,

nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 21 của Điều lệ công ty;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
 3. Trường hợp Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sẽ có 5 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên HĐQT.

Trong trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
6. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - (a) Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - (c) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty, quy chế quản lý nội bộ; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - (d) Giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - (e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - (f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - (g) Quyết định việc phát hành trái phiếu, trừ trường hợp nêu tại Điểm h Khoản này;
 - (h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

- (i) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- (j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; Quyết định bổ nhiệm miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty, người phụ trách các đơn vị trực thuộc trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc Công ty, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- (k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- (l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (m) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;
- (n) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời gian và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- (o) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản Công ty.
- (p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên đại hội đồng cổ đông.
- (q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
- (r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- (a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- (b) Thành lập các công ty con của Công ty;
- (c) Trong phạm vi quy định tại Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty;
- (d) Khi Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (không áp dụng với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).
- (e) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

- (f) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - (g) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong 12 tháng;
 - (h) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - (i) Các khoản chi tiêu của Công Ty nằm ngoài hoặc vượt quá 10% giá trị của từng hạng mục theo Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm đã được Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt;
 - (j) Các khoản đầu tư không nằm trong Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm và vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; và
 - (k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
 6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
 7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo tài chính của Công ty.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ vì lý do nào đó theo quy định của Pháp luật, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp HĐQT: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải lập chương trình nghị sự và triệu tập các cuộc họp HĐQT bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý HĐQT phải họp một lần. Cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT được tổ chức vào một Ngày Làm Việc trong tháng của mỗi quý. Chủ tịch gửi tài liệu và thông báo thời gian, địa điểm họp đến các Thành viên HĐQT ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- (a) Tổng Giám đốc hoặc 05 người điều hành khác;
 - (b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - (c) Ban kiểm soát Công ty
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất bảy (07) ngày trước khi tổ chức họp, Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ được được phép tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền và đa số các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp sẽ chấp thuận việc tham gia cuộc họp đó thông qua đại diện được ủy quyền. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện ủy quyền.

Nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào 7 ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự, và, Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là 4 Ngày Làm Việc trước khi diễn ra cuộc họp được tổ chức lại. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện ủy quyền.

9. Biểu quyết.
 - (a) Trừ quy định tại Khoản 9(b) Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - (b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - (c) Theo quy định tại Khoản 9(d) Điều 28 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ

trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

(d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 5 Điều 34 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là phiếu quyết định.
12. Hợp theo hình thức hội nghị trực tuyến. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua hội nghị trực tuyến hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc

họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng nước ngoài.. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng,... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù họp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 29. Người phụ trách quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ như sau:
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 30. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị có thể chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- Làm biên bản các cuộc họp;
- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
- Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thành lập Ban Giám đốc mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc sẽ bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính và Người điều hành khác được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ quy định mức lương, thù lao, lợi ích, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo tài chính của Công ty.
2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - (a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - (b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; có quyền thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm duy trì hoạt động bình thường của Công ty trong trường hợp có sự cố hoặc thảm họa tự nhiên nhưng phải báo cáo trong thời gian sớm nhất cho Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị có quyền xem xét và quyết định các biện pháp và giải pháp phù hợp sau đó;
 - (c) Kiến nghị cơ cấu tổ chức bộ máy công ty, số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị phê chuẩn, bổ nhiệm, đề xuất để Hội đồng quản trị quyết định hệ thống mức lương, thù lao, các lợi ích đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - (d) Quyết định số lượng, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ, người lao động thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc và được HĐQT giao, ủy quyền.;
 - (e) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch kinh doanh năm (05) năm.
 - (f) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - (g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - (h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng

tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

- (i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng quản trị khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Trường hợp Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sẽ không có quyền biểu quyết theo quy định tại Khoản này.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng/ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Thành phần Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 thành viên trở lên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có quyền

Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Quyền và Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 37. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Việc cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho, cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng vừa nêu trên tuân theo quy định tại Điều 293 Nghị định số

155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

1. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

(a) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

i. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

ii. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;

iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

(b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại điểm a khoản này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

(c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:

i. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b Khoản này;

ii. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại mục i và ii của điểm c nêu trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều 21 và Khoản 9 Điều 22 Điều lệ này.

(d) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này, gây thiệt hại cho Công ty thì người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên

nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty uỷ quyền, đã hoặc thực hiện nhiệm vụ theo uỷ quyền của Công ty hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận được chia của Công Ty sau khi đã thanh toán trích lập các quỹ liên quan theo quy định của pháp luật và Điều Lệ và theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam và Kho bạc Nhà nước.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Các Quỹ

Tỷ lệ trích các loại quỹ hàng năm được quyết định bởi Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 47. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán công ty áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do bộ tài chính ban hành.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính (hoặc thời gian gia hạn khác theo quy định của pháp luật), phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính) và bản cân đối kế toán (phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo), báo cáo lưu

chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành.
4. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.
5. Công Ty sẽ gửi cho Thành Viên HĐQT của Công Ty (hoặc đại diện được ủy quyền của Thành Viên HĐQT) các thông tin về tài chính và quản lý đầy đủ và các báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty, bao gồm cả (i) các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công Ty và của mỗi công ty con (được lập trên cơ sở thống nhất với nhau) trong vòng 90 (chín mươi) ngày sau khi kết thúc mỗi năm tài chính; (ii) báo cáo tài chính hàng quý không được kiểm toán trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc sau khi kết thúc mỗi quý trong năm tài chính; và (iii) trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ bất kỳ yêu cầu bằng văn bản nào; Tổng Giám Đốc chứng nhận tất cả các Thông Tin đó;
6. Công Ty sẽ chuẩn bị và gửi cho Thành Viên HĐQT (hoặc đại diện được ủy quyền của Thành Viên HĐQT) báo cáo hàng quý tóm tắt hoạt động, thu nhập, phí tổn, tổng đóng góp của Công Ty, quyết toán, báo cáo lỗ-lãi, báo cáo lưu lượng tiền mặt, các khoản giá nước, trợ giá, số khách hàng và thay đổi trong cơ cấu góp vốn của Công Ty (“Báo Cáo Quản Lý Quý”) trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mỗi quý; và Tổng Giám Đốc chứng nhận vào mỗi Báo Cáo Quản Lý Quý; và
7. Công Ty sẽ cung cấp thông tin tài chính và các thông tin khác cho Thành Viên HĐQT (hoặc đại diện được ủy quyền của Thành Viên HĐQT) trong thời gian sớm nhất có thể một cách hợp lý kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản. Việc cung cấp thông tin sẽ thực hiện theo mẫu do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của pháp luật.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các

nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - (a) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - (b) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - (c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - (a) Các chi phí thanh lý;
 - (b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

- (c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- (d) Các khoản vay (nếu có);
- (e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- (f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - (a) Cổ đông với Công ty; hoặc
 - (b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Luật sư của Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng [sáu] tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà nhất trí thông qua sửa đổi ngày tháng năm 2021, được ký bởi Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật, hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền mới có giá trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Xuân Quý

**DỰ THẢO QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

(Đính kèm Tờ trình số 135/2021/TTr-HĐQT ngày 06/4//2021)

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hòa Bình , ngày ... thángnăm 2021

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

(Được thông qua theo Nghị quyết số: 01 /2021/NQ -ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông và được ban hành theo Quyết định số/2021/QĐ-HĐQT ngày...../...../2021 của Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngàytháng 04 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền, nghĩa vụ, chế độ phân công, phân cấp trách nhiệm, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của HĐQT để thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT được quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Đối tượng điều chỉnh : Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của HĐQT;

1. Ngoại trừ những vấn đề phải được HĐQT thông qua với tỷ lệ tối thiểu 75% tổng số thành viên tham dự họp hoặc lấy kiên bằng văn bản theo quy định tại Khoản 10 Điều 15 Quy chế này, HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số (*được sự tán thành của trên ½ (một phần hai)*) số thành viên HĐQT dự họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết phản đối và số phiếu tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về lá phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT.
2. Các thành viên HĐQT được quyền tự do thảo luận và đưa ra các ý kiến của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên HĐQT phải chấp hành các quyết định của HĐQT đã được thông qua một cách hợp pháp.

Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHCĐ, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
3. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
4. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành, các nguồn lực và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Những từ ngữ và những chữ viết tắt trong bản quy chế này được hiểu:

- “**Ban Giám đốc**”: Có nghĩa là gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng;
- “**Người điều hành doanh nghiệp**” có nghĩa là các chức danh quản lý được HĐQT bổ nhiệm vào từng thời điểm;
- “**Chủ Tịch**” hoặc “**Chủ Tịch HĐQT**” có nghĩa là Chủ tịch HĐQT của Công ty;
- “**Công ty**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà có địa chỉ đăng ký tại xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400310164 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 17/12/2009;
- “**Đại hội đồng Cổ đông**” có nghĩa là Đại hội đồng Cổ đông của Công ty;
- “**Điều Lệ**”, “**Điều Lệ Công Ty**” có nghĩa là Điều lệ *Tổ chức và hoạt động* của Công ty được ĐHCĐ thông qua trong từng thời kỳ;
- “**Kế Hoạch Kinh Doanh 5 Năm**” là kế hoạch kinh doanh bao gồm cả ngân sách tài chính của Công ty, trong đó đề ra các mục tiêu hoạt động và chiến lược đầu tư, tài chính của Công ty cho từng giai đoạn 5 năm;
- “**Kế Hoạch Sản xuất Kinh Doanh Hàng Năm**” là kế hoạch kinh doanh bao gồm cả ngân sách tài chính của Công ty, trong đó đề ra các mục tiêu hoạt động và chiến lược đầu tư, tài chính của Công ty cho năm tiếp theo;

- **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020 /QH14 được Quốc Hội khóa XI nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- **"Ngân Sách Hàng Năm"** có nghĩa là ngân sách tài chính của Công ty, trong đó diễn giải các kế hoạch chiến lược thành số lượng diễn tả các nguồn tài chính dự kiến cần thiết và dự báo doanh thu cho năm tài chính tiếp theo;
- **"Quy Chế"** có nghĩa là Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT của Công ty;
- **"HĐQT"** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
- **"Thành Viên HĐQT"** có nghĩa là thành viên HĐQT và phụ thuộc vào ngữ cảnh thành viên đó hoặc người thay thế hoặc người đại diện của thành viên đó phù hợp với Điều lệ;
- **"Tổng Giám đốc"** có nghĩa là người đại diện theo Pháp luật của Công ty;
- **"Viwasupco"** có nghĩa là tên viết tắt của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà;
- **"Ban quản lý Dự án"** có nghĩa là Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà – Ban Quản lý Dự án Nước sạch Sông Đà.
- **"TTS"** có nghĩa là tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 4: Cơ cấu tổ chức của HĐQT

HĐQT gồm 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu với thành phần và nhiệm kỳ như được quy định tại Điều lệ Công ty.

HĐQT được tổ chức theo cơ cấu sau:

- Chủ tịch HĐQT.
- Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty.
- Các thành viên HĐQT không làm việc thường xuyên tại Công ty
- Các Tiểu ban của HĐQT.

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 6: Các Tiểu ban của HĐQT

Căn cứ vào Quy định của Pháp luật, yêu cầu hoạt động từng thời kỳ, HĐQT có thể thành lập các Tiểu ban để giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT giao. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm chức danh Trưởng các Tiểu ban theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT. Phương án nhân sự tham gia các Tiểu ban do Chủ tịch HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của trưởng Tiểu Ban. Thành viên của các tiểu ban có thể bao gồm các thành viên kiêm nhiệm của HĐQT, Ban Giám đốc, các Ban chức năng của Công ty hoặc mời các chuyên gia ngoài Công ty. Trưởng các Tiểu ban chịu trách nhiệm dự thảo Quy chế hoạt động của Tiểu ban trình HĐQT thông qua (nếu có).

Điều 7: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- c) Thành viên HĐQT Công ty chỉ có thể đồng thời là thành viên HĐQT của không quá 05 công ty khác;

Điều 8: Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu triệu tập và chủ tọa các phiên họp của HĐQT để bàn và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp HĐQT bất thường.

c) Thay mặt HĐQT ký các Nghị Quyết, Quyết định và các văn bản khác của HĐQT sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên HĐQT (thể hiện trực tiếp bằng việc thông qua Nghị quyết tại cuộc họp hoặc gián tiếp dưới hình thức gửi phiếu xin ý kiến, bỏ phiếu biểu quyết) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

d) Quyết định các vấn đề được Hội đồng quản trị giao và thông báo lại cho các thành viên Hội đồng quản trị biết về những quyết định đã thực hiện tại phiên họp Hội đồng quản trị gần nhất.

đ) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

đ) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định trong Quy chế này của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
3. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trong trường hợp vắng mặt, Thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo cho Thư ký Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị khi các quyết định này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo nguyên tắc đã được quy định tại Điều 2 quy chế này.
4. Công ty có thể nhưng không bắt buộc phải mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm Pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Hai (02) thành viên HĐQT trở lên có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT phiên bất thường.
6. Chấp hành các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định của Pháp luật hiện hành.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 11: Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

- b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 12: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HĐQT

Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của HĐQT

- HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
 - Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHĐCĐ quy định. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ cụ thể được nêu tại Chương này, cụ thể:
- 1. Trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh, ngân sách hàng năm**
 - Trình ĐHĐCĐ thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty;
 - Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và Ngân sách hàng năm của Công ty; chiến lược phát triển thương hiệu, chiến lược thị trường của Công ty;
 - Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
 - Tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua.
 - 2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, nhân sự.**
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, trừ quy chế quản trị nội bộ, quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - Quyết định chủ trương thành lập, thay đổi, giải thể các Ban chức năng, các đơn vị trực thuộc, các Ban Quản lý dự án, các Chi nhánh, các Văn phòng đại diện và các Công ty con của Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).
 - Bổ nhiệm và miễn nhiệm, cách chức các thành viên Ban Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
 - Quyết định mức lương và các chế độ của Tổng Giám đốc; ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định lương, chế độ của các cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Đề xuất định hướng cơ cấu lại, giải thể Công ty để ĐHĐCĐ thông qua việc tổ chức lại, giải thể công ty ; tổ chức triển khai việc cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - 3. Trong lĩnh vực mua bán cổ phiếu, trái phiếu, chi trả cổ tức**
 - Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - Quyết định phát hành và giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - Đề xuất để ĐHĐCĐ thông qua mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh

- doanh, tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - Quyết định việc công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng;
 - Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác, nếu điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không thấp hơn giá thị trường.
- 4. Trong lĩnh vực đầu tư tài chính**
- Quyết định việc tham gia góp vốn vào các doanh nghiệp được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị góp vốn trên 5% giá trị vốn điều lệ của Công ty và dưới 35% của TTS tại thời điểm ra quyết định;
 - Quyết định việc mua, bán, chuyển nhượng quyền mua cổ phần của Công ty tại các doanh nghiệp thành lập ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài có giá trị trên 5% giá trị vốn điều lệ của Công ty và dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định.
- 5. Trong lĩnh vực đầu tư các dự án**
- Quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án có giá trị dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định.
- 6. Ban hành các Quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT .**
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và các Quy chế khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty quy định.
- 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**
- a. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% TTS giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc , người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch nêu tại điểm a của Điều này phải thông báo cho thành viên HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14: Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15: Các vấn đề khác

1. Trong phạm vi quy định tại Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 138 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ và chấm dứt các hợp đồng lớn của Công ty như: các hợp đồng sáp nhập, thu tóm công ty và liên doanh có giá trị trên 10% giá trị vốn điều lệ tại thời điểm ra quyết định trên
2. Quyết định giao dịch bán, thanh lý tài sản Công ty có giá trị trên 10% giá trị vốn điều lệ của Công ty và dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định.
3. Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ có giá trị trên 5% vốn điều lệ của Công ty.
4. Quyết định việc vay vốn của Công ty có giá trị trên 10% giá trị vốn điều lệ của Công ty và dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định.
5. Quyết định việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh, bồi thường của Công ty có giá trị trên 10% giá trị vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ra quyết định trên cơ sở Tờ trình của Tổng Giám đốc.
6. Lập, trình danh mục các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty để ĐHĐCĐ phê duyệt;
7. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

8. Định hướng chiến lược phát triển, chiến lược đầu tư của các đơn vị thành viên, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của toàn Công ty.
9. Quyết định thành lập, thay đổi, giải thể các Ban chức năng, các đơn vị trực thuộc, các Ban Quản lý dự án, các Chi nhánh, các Văn phòng đại diện và các Công ty con của Công ty thuộc Công ty trên cơ sở Tờ trình của Tổng Giám đốc.
10. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT thông qua với tỷ lệ tối thiểu là 75% tổng số thành viên tham dự họp hoặc được xin ý kiến bằng văn bản:
 - Các khoản chi tiêu của Công Ty nằm ngoài hoặc vượt quá 10% giá trị của từng hạng mục theo Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm đã được ĐHĐCĐ đã phê duyệt;
 - Các khoản đầu tư không nằm trong Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm và vượt quá 10% TTS;
 - Các vấn đề sản xuất, kinh doanh, đầu tư hoặc giao dịch trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình mà HĐQT nhận thấy cần có sự đồng thuận thông qua với tỷ lệ tối thiểu là 75% tổng số thành viên tham dự họp hoặc được xin ý kiến bằng văn bản:

CHƯƠNG IV: CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

Điều 16: Họp định kỳ

1. HĐQT họp định kỳ mỗi quý một lần vào một ngày làm việc trong tháng đầu tiên của mỗi quý. Thành phần tham dự họp bao gồm: Chủ tịch, các Thành viên HĐQT và các thành phần khác do Chủ tịch quyết định mời. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch quyết định triệu tập và chủ trì. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì. Trong trường hợp không tổ chức họp HĐQT vào thời gian quy định, Chủ tịch phải có thông báo cho các thành viên HĐQT chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến.
2. Trước các cuộc họp định kỳ, Chủ tịch yêu cầu Tổng Giám Đốc, Giám đốc ban quản lý dự án chuẩn bị báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư trong Quý và các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
3. Thư mời họp, chương trình họp và tài liệu họp phải được gửi đến các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, giám đốc ban quản lý ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, giám đốc ban quản lý có thể kiến nghị Chủ tịch bổ sung vào chương trình họp những nội dung mà người kiến nghị nhận thấy là quan trọng và cấp thiết. Kiến nghị này phải được gửi tới Chủ tịch chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.
4. Nội dung cuộc họp định kỳ của HĐQT bao gồm:
 - 4.1. Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tình hình thực hiện ngân sách Quý trước, thông qua và bàn biện pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động Sản xuất kinh doanh, đầu tư và ngân sách dự kiến của Quý tiếp theo.
 - 4.2. Nghe báo cáo và đóng góp ý kiến với Tổng Giám đốc, Giám đốc ban quản lý dự án về tình hình triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT trong phiên họp Quý trước cùng những quyết định quan trọng của Chủ tịch giữa hai kỳ họp.
 - 4.3. Bàn và quyết định các vấn đề khác có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Điều 17: Họp bất thường

1. HĐQT có thể họp bất thường do:
 - Chủ tịch quyết định triệu tập khi xét thấy cần thiết;
 - Đề nghị của ít nhất 02 (hai) Thành viên HĐQT;
 - Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - Kiến nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 5 người điều hành khác.
2. Chủ tịch triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tại Khoản 1 Điều 17 nêu trên. Các cuộc họp bất thường của HĐQT do Chủ tịch chủ trì. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì phiên họp. Trường hợp Chủ tịch không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 1 Điều 17 như trên có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
3. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
4. Thư mời họp, chương trình họp và tài liệu họp được gửi đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và các thành viên dự họp trước ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức họp.
5. Nội dung cuộc họp bất thường do Chủ tịch quyết định hoặc do người đề nghị triệu tập họp bất thường chuẩn bị để bàn bạc và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT mà không kịp đưa ra tại phiên họp HĐQT thường kỳ.

Điều 18: Điều kiện để tiến hành họp HĐQT họp lệ

1. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
2. Trường hợp số lượng thành viên HĐQT dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào 07 (bảy) ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự. Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại, trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp và gửi thông báo cho tất cả các thành viên HĐQT chậm nhất là 04 (bốn) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp được tổ chức lại.
3. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Nếu thông báo về cuộc họp được tổ chức lại đã được Công Ty đưa ra một cách hợp lệ cho Thành Viên HĐQT nhưng không bảo đảm đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu, trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, vì bất kỳ lý do nào khác trong vòng 30 phút kể từ thời điểm đã được xác định để tổ chức cuộc họp đó thì chỉ cần số lượng thành viên HĐQT tối thiểu bất kỳ theo quy định của pháp luật tham dự sẽ được coi là đã hội đủ số lượng thành viên HĐQT dự họp tối thiểu và có thể tiến hành công việc theo nội dung triệu tập cuộc họp ban đầu.

4. Trong trường hợp cả hai lần họp đều không hội đủ số thành viên HĐQT quy định dự họp thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc sau đó, Chủ tịch phải triệu tập ĐHCĐ bất thường để xem xét tư cách các thành viên HĐQT không tham dự các phiên họp HĐQT.

Điều 19: Điều hành các phiên họp HĐQT

1. Chủ tịch là người chủ trì và điều hành các phiên họp HĐQT. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ là người chủ trì và điều hành phiên họp HĐQT.
2. Đối với những vấn đề quan trọng có liên quan đến nhân sự, tiền vốn, lợi ích của Công ty và nghĩa vụ của các thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc thì người chủ trì phiên họp HĐQT có thể quyết định tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín.
3. Thành viên HĐQT có quyền và lợi ích liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định (bao gồm các giao dịch, hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và các vấn đề khác theo quy định pháp luật) sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

Điều 20: Biên bản, Nghị quyết các phiên họp HĐQT

1. Thư ký Công ty ghi Biên bản các cuộc họp HĐQT. Nội dung các phiên họp HĐQT phải được Thư ký ghi chép trung thực, đầy đủ vào Biên bản và đọc rõ nội dung biên bản trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản họp HĐQT được lập bằng Tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, thì biên bản phải được tất cả các thành viên của HĐQT dự họp ký. Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
2. Trên cơ sở Biên bản họp HĐQT, tất cả thành viên HĐQT có mặt trong cuộc họp có quyền biểu quyết và ký vào Nghị quyết ban hành với nội dung gồm những vấn đề đã được các Thành viên HĐQT nhất trí thông qua tại phiên họp. Trường hợp Biên bản họp HĐQT đã có đủ chữ ký của các Thành viên HĐQT tham dự họp thì Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết trên cơ sở các nội dung đã được thống nhất tại Biên bản.
3. Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao phổ biến các quyết định của HĐQT trong các phiên họp đến các thành viên HĐQT cùng các Thành viên khác có liên quan của Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày các thành viên HĐQT dự họp ký đầy đủ vào văn bản.

Điều 21: HĐQT quyết định bằng phiếu biểu quyết

1. Trong thời gian giữa các kỳ họp, Chủ tịch quyết định việc lấy ý kiến biểu quyết của các Thành viên HĐQT để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Phiếu biểu quyết được gửi kèm theo Tờ trình của Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban quản lý dự án (nếu có) và các tài liệu có liên quan tới nội dung biểu quyết. Văn bản gửi phiếu xin ý kiến, phiếu biểu quyết do Chủ tịch ký hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký.
2. Lấy ý kiến trong trường hợp thông thường: Trong thời hạn tối đa là 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Văn bản gửi Phiếu biểu quyết và đầy đủ tài liệu liên quan kèm theo, các Thành viên HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu, quyết định nội dung biểu quyết và gửi Phiếu biểu quyết về Công ty. Việc gửi Văn bản gửi Phiếu biểu quyết cùng các tài liệu và Phiếu biểu quyết có thể được thực hiện dưới các hình thức:

- (i) Thư tín: gửi chuyên phát nhanh;
 - (ii) Fax: Phiếu biểu quyết gửi qua fax có giá trị tương đương bản ký gốc;
 - (iii) Email: Trường hợp biểu quyết qua email thì người biểu quyết phải gửi ý kiến biểu quyết qua hộp thư đăng ký chính thức của mình về địa chỉ email chính thức của Công ty hoặc địa chỉ email đã đăng ký của Công ty.
3. Trong trường hợp khẩn cấp hoặc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh, Chủ tịch quyết định việc lấy ý kiến nhanh các Thành viên HĐQT (tính chất của việc lấy ý kiến biểu quyết sẽ được ghi trên phiếu). Trong thời hạn tối đa là 24 giờ kể từ thời điểm gửi phiếu xin ý kiến biểu quyết, tài liệu kèm theo, các Thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét và quyết định nội dung biểu quyết và gửi ý kiến biểu quyết về Công ty theo các hình thức sau:
- (iv) Văn bản;
 - (v) Fax;
 - (vi) Email;
 - (vii) Gọi điện thoại hoặc nhắn tin qua điện thoại tới số máy của Thư ký Công ty.
4. Thư ký Công ty có trách nhiệm tổng hợp phiếu biểu quyết và lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và gửi cho các Thành viên HĐQT Quyết định của HĐQT, Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan.
5. Các quyết định của HĐQT chỉ được thông qua và có hiệu lực khi được ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT (trên 50%) có quyền tham gia ý kiến bằng văn bản gửi Phiếu biểu quyết ĐỒNG Ý, đồng thời phải phù hợp với quy định tại điều 17.2. của Quy chế này. Kết quả biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết có giá trị như các quyết định trong một phiên họp bình thường của HĐQT.
6. Đối với các Phiếu biểu quyết có nội dung KHÔNG ĐỒNG Ý hoặc CÓ Ý KIẾN KHÁC mà số Thành viên gửi Phiếu biểu quyết này ít hơn số Thành viên HĐQT có quyền tham gia ý kiến bằng văn bản gửi Phiếu biểu quyết ĐỒNG Ý, Chủ tịch cần phải trao đổi qua điện thoại hoặc bằng văn bản với Thành viên HĐQT không đồng ý hoặc có ý kiến khác đó trước khi ký ban hành quyết định.
7. Việc lập Nghị quyết của HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Quy chế này và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ CỦA HĐQT

Điều 22: Chế độ làm việc

Thành viên HĐQT làm việc theo chế độ sau đây:

- Thành viên HĐQT làm việc chuyên trách: là Thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty với tư cách là Thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT làm việc không chuyên trách: là Thành viên HĐQT không làm việc thường xuyên tại Công ty với tư cách là Thành viên HĐQT.

Điều 23: Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của các Thành viên HĐQT

1. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Chủ tịch và các Thành viên HĐQT do HĐQT thống nhất ấn định, căn cứ theo chế độ làm việc chuyên trách hay kiêm nhiệm của mỗi thành viên và trong khuôn khổ hạn mức đã được ĐHĐCĐ ấn định hàng năm.
2. Tiền lương, thù lao của các Thành viên HĐQT và chi phí hoạt động của HĐQT (phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty) phải được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty trong từng năm tài chính và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc Thành viên HĐQT thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình theo mức đã được HĐQT thông qua, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. Thành viên Hội đồng quản trị cung cấp cho Công ty các hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản chi phí mà Thành viên Hội đồng quản trị đã trực tiếp chi (ngoại trừ các chi phí Công ty trực tiếp chi trả).
5. Tổng số tiền thù lao cho các Thành viên HĐQT phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
6. Công ty có quyền trả thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh hàng năm và mua bảo hiểm.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT

Điều 24: Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 25: Quan hệ làm việc với Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc điều hành mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

2. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trường hợp trong khi thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, phát hiện thấy vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với HĐQT để điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định đó. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và nêu kiến nghị tại ĐHĐCĐ.
3. Ngoài những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT, Tổng Giám đốc có toàn quyền quyết định điều hành sản xuất kinh doanh theo kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ, HĐQT phê duyệt và phù hợp với Quy chế này và quy định của Pháp Luật; quyết định các biện pháp vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố, các sự kiện bất khả kháng khác và để tận dụng các cơ hội kinh doanh của Công ty), nhưng Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm cá nhân về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo cho HĐQT trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm ra quyết định.
4. Chủ tịch hội ý thường xuyên hoặc đột xuất với Tổng Giám đốc. Các Thành viên HĐQT có quyền nhưng không bắt buộc tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành và gửi các câu hỏi cho Ban giám đốc về địa chỉ Email hoặc fax về Công ty; lắng nghe và kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan đến chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Tổng Giám đốc, phải gửi Báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư và tình hình tài chính của Công ty cho HĐQT theo quy định như sau:
 - Báo cáo Quý: Hoàn tất và báo cáo HĐQT tại phiên họp định kỳ hàng quý.
 - Báo cáo năm: Hoàn tất trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
6. Mỗi năm ít nhất 01 (một) lần, HĐQT và Ban Giám đốc họp để đánh giá tình hình phối hợp lãnh đạo và điều hành hoạt động của Công ty.
7. Đối với các cuộc khảo sát, đàm phán trong và ngoài nước với các đối tác nước ngoài để tìm cơ hội hợp tác kinh doanh, ký kết các hợp đồng có giá trị lớn của Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, mời Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử Thành viên HĐQT tham dự.

Điều 26: Quan hệ với Giám đốc Ban quản lý dự án

1. Giám Đốc Ban quản lý dự án do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; chịu trách nhiệm trước HĐQT, Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc điều hành mọi mặt hoạt động hàng ngày của Ban quản lý dự án.
2. Giám đốc ban quản lý dự án là người chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, TGD về việc đầu tư giai đoạn II của dự án nâng công suất lên 600.000m³/ngđ và các nghị quyết, quyết định khác của ĐHĐCĐ và HĐQT trong từng thời điểm, phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty. Trường hợp trong khi thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, phát hiện thấy vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc ban quản lý dự án báo cáo với HĐQT, chủ tịch HĐQT công ty để xin điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định đó. Nếu HĐQT không điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung lại Nghị quyết, Quyết định thì Giám đốc ban quản lý dự án vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và nêu kiến nghị tại ĐHĐCĐ.
3. Ngoài những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc ban quản lý dự án có toàn quyền quyết định các biện pháp vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố, các sự kiện bất khả kháng khác và

để đảm bảo tiến độ thi công của dự án), nhưng Giám đốc ban quản lý dự án phải chịu trách nhiệm cá nhân về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo cho HĐQT, Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm ra quyết định.

4. Chủ tịch và các thành viên HĐQT hội ý thường xuyên hoặc đột xuất với Giám đốc Ban quản lý dự án. Các Thành viên HĐQT có quyền nhưng không bắt buộc tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của Ban quản lý và gửi các câu hỏi cho Ban giám đốc và yêu cầu gửi câu trả lời, nội dung giải trình về địa chỉ Email hoặc fax của Công ty; lắng nghe và kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan đến chủ trương, cơ chế, chính sách đầu tư của dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Giám đốc Ban quản lý dự án phải gửi Báo cáo về tình hình thực hiện công tác đầu tư, tiến độ thi công và tình hình thanh quyết toán các hạng mục công trình/công việc cho HĐQT theo quy định như sau:
 - Báo cáo Quý: Hoàn tất và báo cáo HĐQT tại phiên họp định kỳ hàng quý.
 - Báo cáo năm: Hoàn tất trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
6. Mỗi năm ít nhất 01 (một) lần, HĐQT và Ban Giám đốc họp để đánh giá tình hình phối hợp lãnh đạo và điều hành hoạt động của Ban quản lý dự án.
7. Đối với các cuộc khảo sát, đàm phán trong và ngoài nước với các đối tác nước ngoài để ký kết các hợp đồng mua sắm vật tư, máy móc có giá trị lớn phục vụ cho dự án Giám đốc ban quản lý dự án có trách nhiệm báo cáo, mời Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử Thành viên HĐQT tham dự.

Điều 27: Mọi quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 28: Quan hệ làm việc với tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty.

1. HĐQT tạo điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị khác trong Công ty hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của các tổ chức này.
2. HĐQT giao cho Tổng Giám đốc ký Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành Công đoàn Công ty theo quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý các quỹ liên quan đến phúc lợi, khen thưởng (nếu có) được trích lập từ lợi nhuận hàng năm của Công ty.
3. HĐQT tiếp thu ý kiến và xử lý kịp thời các đề nghị, kiến nghị của Đảng ủy Công ty và tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đại diện cho ý nguyện chính đáng của đông đảo quần chúng đoàn viên công đoàn, Đoàn viên thanh niên và người lao động đang làm việc tại Công ty.

Điều 29: Quan hệ với Cổ đông

1. HĐQT và các thành viên HĐQT thiết lập và duy trì mối quan hệ thường xuyên với các Cổ đông của Công ty; thực hiện đầy đủ các nội dung của Điều lệ liên quan đến các Cổ đông và đảm bảo hiệu quả hoạt động hàng năm của Công ty vì lợi ích của các Cổ đông.
2. Chủ tịch HĐQT và HĐQT cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của Cổ đông; cần giải thích rõ ràng và kiên định về các chất vấn của Cổ đông và tham gia giải quyết triệt để các khiếu nại của Cổ đông (nếu có) nhằm duy trì và giữ vững mối quan hệ tốt đẹp giữa HĐQT và cổ đông.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30: Vi phạm và xử lý các vi phạm quy chế

1. HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi nội bộ Công ty có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định trong Bản Quy chế này.
2. Tổ chức hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong bản Quy chế này sẽ được xử lý theo các quy định của Công ty. Riêng các Thành viên HĐQT vi phạm có thể bị kiểm điểm trước HĐQT hoặc đưa ra ĐHĐCĐ phiên gần nhất để xem xét quyết định hình thức kỷ luật tùy theo mức độ và tính chất vi phạm.

Điều 31: Thẩm quyền sửa đổi bổ sung Quy chế

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung bản Quy chế này căn cứ đề nghị của HĐQT, yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước hoặc có sự điều chỉnh của Pháp luật Việt Nam về những nội dung có liên quan đến các quy định trong Quy chế này.

Điều 32: Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết và và HĐQT ký ban hành và thay thế cho Quy chế Tổ chức và hoạt động của Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-HĐQT ngày 29/04/2011 của HĐQT Công ty.

Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định của Điều lệ và các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

**DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

(Đính kèm Tờ trình số 135/2021/TTr-HDQT ngày 06/04/2021)

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH
SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hòa Bình , ngày ... tháng ... năm 2021

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày... tháng 04 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (Viwasupco/SDW) quy định các nội dung về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn hiện hành áp dụng đối với Công ty Đại chúng; Điều lệ Công ty và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Viwasupco/SDW và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà,

Điều 2. Bộ máy quản trị điều hành của Viwasupco/SDW:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát
4. Tổng Giám đốc.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Viwasupco/SDW

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Viwasupco/SDW
5. Minh bạch trong hoạt động của Viwasupco/SDW
6. Hội đồng quản trị lãnh đạo Viwasupco/SDW có hiệu quả.
7. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Định nghĩa và các từ viết tắt

1. Định nghĩa

- a. Ban giám đốc: Bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng
- b. Ban Điều hành: Bao gồm Ban giám đốc và các Giám đốc ban nghiệp vụ.
- c. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty
- d. Người điều hành doanh nghiệp: là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm
- e. Điều lệ: là Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
- f. Các thuật ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật liên quan.

2. Các từ viết tắt

- a. Viwasupco/SDW/ Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
- b. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- c. HĐQT : Hội đồng quản trị.
- d. BKS : Ban kiểm soát
- e. TGD : Tổng Giám Đốc.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hiện hành;
4. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
5. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
7. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên

- được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
8. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 9. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 10. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 11. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 12. Quyết định tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;
 13. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 14. Phê duyệt Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 15. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận hoặc quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 16. Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
 17. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

Gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Thảm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

- d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);
- e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- h) Điều kiện tiên hành;
- i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- k) Cách thức bỏ phiếu;
- l) Cách thức kiểm phiếu;
- m) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;
- n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);
- p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Viwasupco/SDW phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ

được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Viwasupco/SDW. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Viwasupco/SDW (theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp hoặc đăng tải trên website của SDW) theo thời hạn và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.

2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Viwasupco/SDW phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Viwasupco/SDW cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết tờ thẻ/tờ phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực

của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 11. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 6 Điều 13 Điều lệ Công ty.

2. Đối với cổ đông là tổ chức: Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa cho số lượng người được quy định tại Điều lệ (trường hợp Điều lệ không quy định thì áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành). Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Viwasupco/SDW được gửi kèm theo Thông báo mời họp hoặc mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật Dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 12. Điều kiện tiến hành

1. Đại hội đồng cổ đông họp lần thứ nhất được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 65% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Nếu số lượng cổ đông dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ vào thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác

định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp lần thứ hai trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các cổ đông của Công ty chậm nhất là 7 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Nếu thông báo về cuộc họp lần thứ hai đã được Công ty đưa ra một cách hợp lệ cho các cổ đông và cuộc họp lần thứ nhất trước đó đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng không bảo đảm đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu, trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền, vì bất kỳ lý do nào khác vào thời điểm đã được xác định để tổ chức cuộc họp đó thì cuộc họp sẽ được hoãn một lần nữa cho một cuộc họp lần thứ ba. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Công ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp lần thứ ba trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp lần thứ ba đó và gửi thông báo đó cho tất cả các cổ đông của Công ty chậm nhất là 7 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp lần thứ ba đó. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ Công ty.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết được thu/giơ thẻ trước, số thẻ biểu quyết không tán thành nghị quyết được thu/ giờ thẻ tiếp theo, số thẻ biểu quyết không có ý kiến được thu/giơ thẻ sau cùng. Cuối cùng đếm tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ; số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định.

2. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa (hoặc Ban kiểm phiếu) thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại (kể cả việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ);
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;
 - e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Tổ chức lại (bao gồm cả việc sáp nhập hoặc hợp nhất), giải thể Công ty;
 - g. Phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3, khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự

họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp

1. Cổ đông phản đối việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ thì đánh dấu (“V” hoặc “X”) vào ô biểu quyết “Không tán thành” trên tờ thẻ/tờ phiếu biểu quyết.

2. Khi Chủ tọa có hiệu lệnh thu tờ thẻ/tờ phiếu biểu quyết đối với việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông thì cổ đông chuyển tờ thẻ/tờ phiếu biểu quyết đã đánh dấu hợp lệ cho người thu phiếu.

3. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

4. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Các chi phí phát sinh có liên quan đến việc thuê tổ chức thẩm định giá như nêu trên do cổ đông thanh toán.

5. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Số cổ phần được mua lại được xử lý theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 17. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ ngày ghi trên Nghị quyết theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 18. Trình tự thủ tục thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua mọi quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ vấn đề sau đây (được tổ chức họp trực tiếp thông

qua):

- Tổ chức lại (bao gồm cả việc sáp nhập hoặc hợp nhất);
- Giải thể, Phá sản Công ty

2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Viwasupco/SDW và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều này.

b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- ✓ Mục đích lấy ý kiến;
- ✓ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; ; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- ✓ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- ✓ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- ✓ Thời hạn phải gửi về Viwasupco/SDW hoặc ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

d. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Viwasupco/SDW. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó hoặc chữ ký của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền và được đóng dấu của tổ chức đó.

e. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Viwasupco/SDW theo các hình thức sau:

- ✓ Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Viwasupco/SDW phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- ✓ Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Viwasupco/SDW qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

f. Các phiếu lấy ý kiến Viwasupco/SDW nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội

dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

g. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- ✓ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- ✓ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- ✓ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- ✓ Các vấn đề đã được thông qua;
- ✓ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Viwasupco/SDW, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

h. Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Viwasupco/SDW trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

i. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Viwasupco/SDW. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận ngoại trừ các nội dung quy định tại điều 21.1 của Điều lệ Công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số biểu quyết chấp thuận. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử

1. Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức hội nghị

họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. (Hội đồng quản trị quyết định và thông báo/hướng dẫn cách thức thực hiện cụ thể đến Cổ đông trong tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông)

2. Các Nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 20. Các vấn đề khác

Các vấn đề, nội dung khác liên quan đến việc triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - (a) Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - (c) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty, quy chế quản lý nội bộ; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - (d) Giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- (e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- (f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- (g) Quyết định việc phát hành trái phiếu, trừ trường hợp nêu tại Điểm h Khoản này;
- (h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- (i) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- (j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; Quyết định bổ nhiệm miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty, người phụ trách các đơn vị trực thuộc trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc Công ty, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- (k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- (l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (m) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;
- (n) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời gian và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- (o) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản Công ty.
- (p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên đại hội đồng cổ đông.
- (q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
- (r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - (a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - (b) Thành lập các công ty con của Công ty;
 - (c) Trong phạm vi quy định tại Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty;
 - (d) Khi Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (không áp dụng với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).
 - (e) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - (f) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - (g) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong 12 tháng;
 - (h) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - (i) Các khoản chi tiêu của Công Ty nằm ngoài hoặc vượt quá 10% giá trị của từng hạng mục theo Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm đã được Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt;
 - (j) Các khoản đầu tư không nằm trong Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm và vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; và
 - (k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt

cho Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo tài chính của Công ty.
8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định trong Quy chế này của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp vắng mặt, Thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo cho Thư ký Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị khi các quyết định này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo nguyên tắc đã được quy định tại

Điều 4 quy chế này.

4. Công ty có thể nhưng không bắt buộc phải mua bảo hiểm trách nhiệm cho các Thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm Pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị trở lên có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị phiên bất thường.
6. Chấp hành các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu với thành phần và nhiệm kỳ như được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị được tổ chức theo cơ cấu sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc thường xuyên tại Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị không làm việc thường xuyên tại Công ty
- Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 24. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty
2. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được

đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên HĐQT.

2. Ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Người ứng cử thành viên Hội đồng quản trị phải thoả mãn tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

3. Gửi hồ sơ ứng cử, đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và việc gửi hồ sơ ứng cử, đề cử: thực hiện theo thông báo của Viwasupco/SDW trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có quyền giới thiệu thêm ứng cử viên theo nguyên tắc nhất trí quá bán. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau.

Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác quy định theo quy định tại Điều lệ và pháp luật liên quan.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty.

b) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;

Thời hạn Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tuân theo quy định tại Điều lệ.

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội dung này đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Viwasupco/SDW để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Viwasupco/SDW nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên

quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.

Điều 30. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

Điều 31. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị thống nhất ấn định, căn cứ theo chế độ làm việc chuyên trách hay kiêm nhiệm của mỗi thành viên hoặc trong khuôn khổ hạn mức đã được Đại hội đồng cổ đông ấn định hàng năm.

2. Tiền lương, thù lao của các Thành viên Hội đồng quản trị và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị (phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty) phải được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty trong từng năm tài chính và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình theo mức đã được Hội đồng quản trị thông qua, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị cung cấp cho Công ty các hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản chi phí mà Thành viên Hội đồng quản trị đã trực tiếp chi (ngoại trừ các chi phí Công ty

trực tiếp chi trả).

5. Tổng số tiền thù lao cho các Thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
6. Công ty có quyền trả thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh hàng năm và mua bảo hiểm.

Điều 32. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. Cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT được tổ chức vào một Ngày Làm Việc trong tháng của mỗi quý.

2. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm 05 người điều hành khác
- b) Ít nhất hai thành viên điều hành Hội đồng quản trị;
- c) Đề xuất của Ban kiểm soát;

3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được triệu tập trong thời hạn tối đa (07) bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Địa điểm họp:

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày.. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ được được phép tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền và đa số các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp sẽ chấp thuận việc tham gia cuộc họp đó thông qua đại diện được uỷ quyền. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện uỷ quyền.

Nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào 7 ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự, và, Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là 4 Ngày Làm Việc trước khi diễn ra cuộc họp được tổ chức lại. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện uỷ quyền.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Đối với trường hợp lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị từ xa bằng email, bằng văn bản: ý kiến phản hồi bằng email hay văn bản (nếu trả lời bằng văn bản thì phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị) phải được gửi cho bộ phận thư ký Hội đồng quản trị chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản/email lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn bản/email của các thành viên Hội đồng quản trị phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến, các ý kiến trả lời gồm “đồng ý/ không đồng ý/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng email/văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

10. Hình thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều lệ trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và

lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Viwasupco/SDW Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 5 Điều 35 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Viwasupco/SDW và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Viwasupco/SDW thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

15. Căn cứ vào Biên bản họp, Hội đồng quản trị ra Nghị quyết/Quyết định/Thông báo về các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết/Quyết định/Thông báo được gửi tới các đối tượng có liên quan để triển khai thực hiện. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định thì Viwasupco/SDW có trách nhiệm công bố thông tin.

CHƯƠNG IV

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Thành lập và hoạt động của tiểu ban Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.

2. Cơ cấu của tiểu ban; tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban; trách nhiệm của tiểu ban và từng thành viên; các nội dung khác có liên quan sau khi tiểu ban cụ thể được thành lập sẽ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG V

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng/ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Ban kiểm soát có từ 03 thành viên trở lên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
4. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có quyền
- Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
- a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều

của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

CHƯƠNG VI

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 36. Các tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.

1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc Công ty phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn của những người điều hành khác

- a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực;
- b) Có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
- c) Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, mẫn cán trong công việc;
- d) Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý;
- e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

Điều 37. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác

1. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

- a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
- b) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động
- c) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm những người điều hành khác
 - a) Công ty được tuyển dụng những người điều hành khác khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty tùy từng thời điểm. Những người điều hành này phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
 - b) Những người điều hành khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - Vi phạm nội quy, quy chế công ty đến mức phải xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - Tư lợi cá nhân;
 - Có đơn xin từ chức;
 - Các trường hợp khác theo yêu cầu công việc.
 - c) Thảm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm những người điều hành này tuân theo quy định về phân cấp thảm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành Công ty từng thời kỳ.

Điều 38. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, thông báo kết quả họp/ngợi quyết, xin ý kiến

1. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các khách mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Trình tự thủ tục triệu tập họp Hội đồng quản trị, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế này. Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.
Khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc như quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phải triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành hoặc quy định nội bộ của Công ty. Quyết định của Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị để báo cáo.
3. Tùy nhu cầu và thực tiễn trong hoạt động quản trị điều hành, Hội đồng quản trị được quyền

ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong quản trị điều hành để phân cấp/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện một số quyền hạn của Hội đồng quản trị. Do đó, đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc lập Tờ trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc cấp được Hội đồng quản trị phân cấp/ủy quyền.

4. Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị xác định các chủ trương, chính sách, định hướng, quy định làm cơ sở để Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động sản xuất kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp Tổng Giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyền trao đổi, bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Điều 40. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc có quyền đề nghị HĐQT triệu tập họp khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Viwasupco/SDW hoặc quyền lợi của Viwasupco/SDW, bao gồm nhưng không giới hạn: Tài khoản của Viwasupco/SDW tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Viwasupco/SDW; Viwasupco/SDW có các hoạt động trái qui định của pháp luật; Viwasupco/SDW bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; Có quyết định khởi tố đối với thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính hoặc các chức danh tương đương khác của Viwasupco/SDW; Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Viwasupco/SDW; Có kết luận của cơ quan thuế về việc Viwasupco/SDW vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế; Viwasupco/SDW có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; phát hiện đi chệch mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.

Điều 41. Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc

1. Theo định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc báo cáo, kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cũng như việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và

quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các đối tượng này kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của Chủ tịch HĐQT, HĐQT hoặc khi được yêu cầu.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên Ban kiểm soát, ban kiểm toán nội bộ (nếu có) được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian phù hợp.
4. Cách thức báo cáo, thông báo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị:
 - Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - Báo cáo bằng văn bản. Trường hợp báo cáo bằng văn bản, thời hạn báo cáo, thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản của Hội đồng quản trị.

Điều 42. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

1. Các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.
2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Tổng Công ty) cho Chủ tịch HĐQT hoặc TGD hoặc cả hai người để được giải quyết hiệu quả.
3. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT biết về rủi ro này.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI

THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, HĐQT, Ban giám đốc/Điều hành trình báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
2. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, kế hoạch được giao, hàng năm, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và phê duyệt.
3. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù

hợp với nhiệm vụ của từng thành viên.

Điều 44. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Việc đánh giá sẽ được thực hiện theo quy định sau:

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Công ty sẽ tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo phương thức sau:

- Tự nhận xét đánh giá.
- Cách thức khác do HĐQT /Tổng Giám đốc lựa chọn vào từng thời điểm.

HĐQT sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc HĐQT.

2. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

Điều 45. Khen thưởng

Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Viwasupco/SDW và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Viwasupco/SDW.

1. Đối với HĐQT: ngân sách khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty. HĐQT thực hiện phân bổ nguồn khen thưởng theo kết quả đánh giá như quy định tại Điều 32 Quy chế này.
2. Đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo các quy định nội bộ của Viwasupco/SDW tại từng thời điểm. Nguồn khen thưởng: được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc quy định của pháp luật.

Điều 46. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Viwasupco/SDW và các quy định khác có liên quan của Viwasupco/SDW, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của Viwasupco/SDW.
2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Viwasupco/SDW từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 47. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Viwasupco/SDW.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế.

Điều 48. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại Viwasupco/SDW và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

5. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
6. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
7. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ như sau:
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. HĐQT chịu trách nhiệm đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi thấy cần thiết cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 51. Hiệu lực

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2018 và được sửa đổi bổ sung lần thứ hai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày/....../2021
2. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa các nội dung quy định tại Điều lệ và Quy chế này, thì các quy định tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. HĐQT, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

CHỦ TỊCH HĐQT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hòa Bình, ngày tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc Hội Khóa 14 Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành của một số điều của Luật chứng khoán; Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ các Văn bản Pháp luật có liên quan khác.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà năm 2021 tiến hành bầu bổ sung thay thế viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 do có đơn từ nhiệm và bầu Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo các nội dung dưới đây:

ĐIỀU 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà chốt ngày 30/03/2021) có mặt tại Đại hội.

ĐIỀU 2: Ứng cử, đề cử và Số lượng bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty

Việc đề cử/ứng cử phải bằng văn bản theo mẫu do Công ty ban hành và được gửi đến Công ty chậm nhất là ngày 15/4/2021. Nội dung bản đề cử/ứng cử phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử/ứng cử, chữ ký của cổ đông đề cử/ứng cử và người được đề cử/ứng cử.

Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung thay thế là **02** thành viên.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu là: **03** thành viên

ĐIỀU 3: Ban Kiểm phiếu.

- Ban Kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- + Hướng dẫn cổ đông quy trình bầu cử, cách thức bỏ phiếu;
- + Phát phiếu bầu;
- + Tiến hành kiểm phiếu;
- + Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

ĐIỀU 4: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

4.1 Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên.

4.2 Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in thống nhất và có dấu treo của Công ty trên phiếu bầu.
- Phiếu bầu được phát cho cổ đông tham dự hoặc được ủy quyền tại Đại hội.
- Cổ đông tiến hành bầu thành viên HĐQT, ban kiểm soát tối đa cho số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

4.3 Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ.

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty trên phiếu bầu;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được đề cử trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu bầu quá số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được bầu.
- Phiếu bầu không ghi thông tin về cổ đông hoặc đại diện cổ đông lên Phiếu bầu.
- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông.
- Cổ đông bầu vượt quá số phiếu bầu của mình.

ĐIỀU 5: Phương thức bầu cử

- Việc bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu cụ thể như sau: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong

số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 6: Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

- Người trúng cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT cần bầu.

- Trường hợp có những ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau mà cần phải loại/Rút bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì Đại Hội sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng viên này để chọn theo nguyên tắc quy định tại Quy chế này.

ĐIỀU 7: Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của chủ tọa đại hội (hoặc Ban Kiểm phiếu) và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 15 phút kể từ thời điểm chủ tọa (hoặc Ban Kiểm phiếu) bắt đầu tuyên bố thời gian bắt đầu bỏ phiếu, tùy thuộc thời điểm nào đến trước.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 8: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu, nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; số phiếu và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỷ lệ quyền bầu cử cho từng ứng cử viên bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

ĐIỀU 9: Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 09 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua. Các nội dung liên quan đến việc ứng cử, đề cử và bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát chưa được đề cập tại Quy chế này áp dụng theo quy chế tại Điều lệ và pháp luật có liên quan.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tọa Đại hội.

Số: /2021/NQ - ĐHĐCĐ

Hòa Bình, ngày tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc Hội Khóa 14 Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/BB – ĐHĐCĐTN ngày/04/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau

1. Thông qua nội dung Báo cáo số .../2021/TTr-HĐQT ngày .../.../2021 của Ban điều hành Công ty về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Khoản mục chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng(m3)	m3	103.215.356	106.273.516
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	533,801	547,303
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	194,898	164,3

Đại hội đồng Cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào diễn biến tình hình và mức độ ảnh hưởng của Dịch Covid 19 xem xét quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của công ty năm 2021 cho phù hợp.

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam theo đề xuất tại Tờ trình số...../2021/TTr-HĐQT ngày...../.../2021
3. Thông qua Báo cáo số .../2021/TTr-HĐQT ngày .../.../2021 của Hội đồng quản trị Công ty về hoạt động Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021;
4. Thông qua Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày .../.../2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
Công ty TNHH PWC Việt Nam.

5. Thông qua Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày .../.../2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2021.

6. Thông qua Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày .../.../2021 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021;

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế năm 2021 để quyết định thời gian chi trả cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 cho phù hợp.

7. Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị công ty theo Điểm a, Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 như sau:

+ Cơ cấu tổ chức quản trị hiện tại: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;

+ Cơ cấu tổ chức quản trị mới: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Theo cơ cấu mới này, Công ty sẽ bỏ Ban kiểm toán nội bộ (Ủy ban kiểm toán theo Luật doanh nghiệp 2020) và thay vào đó sẽ lập Ban kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng Cổ đông.

8. Thông qua toàn văn Dự thảo Sửa đổi Điều lệ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà như đính kèm Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày .../.../2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty;

- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty ký ban hành Điều lệ Công ty;

9. Thông qua (1) Báo cáo số .../2021/BC-HĐQT, ngày .../.../2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị đối với các việc triển khai Dự án Giai đoạn II; (2) Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành được nêu trong báo cáo số .../2021/BC-HĐQT, ngày .../.../2021.

10. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông..... và Ông kể từ ngày.....do có Đơn từ nhiệm.

11. Thông qua việc bầu bổ sung ông.....và Ônglàm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 kể từ ngày.....

12. Thông qua việc bầu Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026 với các Thành viên cụ thể như sau:

- Ông/Bà...

- Ông/ Bà...

- Ông/ Bà...

Giao cho Ban kiểm soát mới được thành lập tiến hành xây dựng quy chế hoạt động Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông trong lần họp gần nhất để xem xét phê duyệt. Trước khi quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được ĐHĐCĐ phê duyệt, Ban kiểm soát phải đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Điều 2. Điều khoản thi hành:

1. Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021. Các ông/bà: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
2. Nghị quyết này được Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà thông qua toàn văn tại cuộc họp với tỷ lệ nhất trí đạt 100%.

Nơi nhân:

- Như Điều 2 (T/hiện);
- UB Chứng khoán NN;
- VSD, SGDCK;
- Website Công ty;
- Lưu VP.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Bùi Lê Khoa